LỤC VÂN TIÊN

Mục lục

Tác giả, tác phẩm	 2
Luc Vân Tiên	 5

Tác giả, tác phẩm

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) là một nhà nho yêu nước chân chính tiêu biểu của Nam Bộ trong thế kỷ XIX.

Cùng chung số phận với nhiều văn thi hào và sĩ phu kiệt hiệt khác như Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Hoàng Diệu, Phan Đình Phùng, Trương Định..., Nguyễn Đình Chiểu sống vào một giai đoạn vô cùng đen tối của lịch sử dân tộc. Triều đình nhà Nguyễn (với những ông vua thủ cựu như Tự Đức...) đang trên đà suy sụp, đã mất hẳn khả năng lãnh đạo nhân dân kể cả trong công cuộc xây dựng cũng như công cuộc bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

Xã hội Việt Nam thời đó rơi vào tình trạng ngưng trệ và lạc hậu thảm hại. Rốt cuộc, trước sự xâm lược của thực dân Pháp, cái triều đình ươn hèn, bất lực đó đã không thể đối phó, không thể lập được "thế cân bằng" với ngoại bang, và đã để đất nước ta rơi trọn vào tay chúng.

Trước vận mệnh bi đát của đất nước, trước cảnh "sinh dân nghiêng nghèo" ấy, Nguyễn Đình Chiểu cũng như bao người hiền tài khác, đã đau lòng nhức óc biết là nhường nào!

Trước kia Nguyễn Trãi đã từng nhận định rằng trên đất nước ta, các thời đại "tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, song hào kiệt không bao giờ thiếu" (Bình Ngô đại cáo).

Nguyễn Đình Chiểu là một người con hào kiệt của vùng đồng bằng Nam Bộ, là một nhân cách lớn mà sự nghiệp và tên tuổi của ông sẽ mãi mãi sáng ngời. Là nhà thơ suốt đời bị mù loà, nhưng không những ông là tác giả của tác phẩm bất hủ Lục Vân Tiên, của "Ngư tiều y thuật vấn đáp", "Dương Từ Hà Mậu"..., ông còn là tác giả của những bài thơ, những bài văn tế nổi tiếng, trong đó ông đã tưới máu và nước mắt của mình hoà chung với những bi kịch mà nhân dân anh hùng bất khuất và đau thương của ông phải chịu đựng khi chống trả bọn xâm lược. Có những câu thơ của ông đã khắc sâu vào lòng người:

Chở bao nhiều đạo thuyền không khẳm

Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.

Lịch sử văn học đã xác nhận Nguyễn Đình Chiểu là nhà văn, nhà thơ tiên khu vĩ đại, người mở đầu cho dòng văn học yêu nước và cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

Lục Vân Tiên là tác phẩm "tiểu thuyết bằng thơ nôm" sau chót của văn học Việt Nam, được Nguyễn Đình Chiểu sáng tác ngay trong thời kì cận đại. Đó là điểm son cuối cùng của loại hình tác "truyện nôm", "diễn ca nôm" như Chinh phụ ngâm, cung oán ngâm khúc, Hoa Tiên, Phan Trần, Nhị Độ Mai, Bần nữ thán, Truyện Kiều, truyện nôm khuyết danh...

Nguyễn Đình Chiểu đã sáng tác Lục Vân Tiên với động cơ gì? Như trên đã nói, trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, xã hội Việt Nam, trong cơ chế của một chế độ phong kiến phương Đông ngưng trệ, lạc hậu, đương trượt dài trên con đường suy thoái. Khắp đất nước phơi bày tình cảnh nghèo đói xác xơ, đạo đức con người cũng như phong hoá dân tôc ngày một sa sút.

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà Nho chân chính, cho nên trong lòng ông lúc nào cũng đau đáu những ý tưởng về sự "kinh bang tế thế". Do hạn chế về lịch sử, ông chưa nhận thức được rằng những ý tưởng của những sĩ phu phong kiến như ông muốn khôi phục lại một xã hội lý tưởng thời Nghiêu - Thuấn, thực ra đã lỗi thời rồi...

Tuy nhiên với tâm huyết sôi sực của một con người nhập thế tích cực, nhất thiết ông phải hành động để phụng sự đất nước và

dân tộc ông. Chính vì thiết tha muốn "đem lời nói đốt cháy lòng thiên hạ" (thơ Puskin) mà ông viết Lục Vân Tiên. Với ông, trong lúc đời đang suy, việc viết một tác phẩm đứng đắn và mang đầy nhiệt huyết như Lục Vân Tiên chính là một diệu kế, khả dĩ cứu vãn được sự suy thoái của đất nước và chấn hưng được phong hoá của dân tôc.

Lục Vân Tiên là bản trường ca đề cập về luân lí đạo đức của con người, nói cách khác: về "Đạo lý Việt Nam".

Đạo lý ấy rất giản dị: Trai thì trung với nước, hiếu với cha mẹ, có chí tiến thủ, giúp nước cứu dân; gái thì tiết hạnh và cao quý; đồng bào ăn ở với nhau thì có thuỷ có chung, luôn luôn sẵn sàng cứu giúp nhau trong những cơn hoạn nạn, không vì danh lợi mà chà đạp lên tình người, không vì những đố kị và oán hận riêng tây mà hại người, không nên "hành" những nghề lừa bịp tức cười như lang băm, thầy bói, thầy pháp nhảm nhí...

Cái đạo lý rất mực dân dã ấy thực ra lại là rường cột của nền đạo đức của cả một dân tộc, là cội nguồn của hạnh phúc con người. Cái kết thúc "có hậu" của Lục Vân Tiên phản ánh quan niệm của nhân dân đối với những ai biết giữ gìn đạo đức (như Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Vương Tử Trực, Hớn Minh...). Ngược lại, những nhân vật như Võ Công, mẹ con Thể Loan, Trịnh Hâm, đã phải trả giá đắt chỉ vì họ đã vứt bỏ cái đạo làm người đó.

Là tác phẩm viết cho quảng đại quần chúng, chuyên luận bàn về luân lí đạo đức, Lục Vân Tiên được sáng tác, cốt truyện mạch lạc và hấp dẫn, đậm đà màu sắc văn hoá Nam Bộ.

Đọc Lục Vân Tiên chúng ta cảm nhận được cái tinh thần đạo đức cao quý và tình người chan chứa hiện ra phơi phới trong mỗi trang thơ.

Các nhân vật chính như Lục Vân Tiên, Kiểu Nguyệt Nga, Vương Tử Trực, Tiểu Đồng, và các nhân vật phụ như Thể Loan, Kiều Công, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm... được tác giả miêu tả nkhá sinh động, có cá tính.

Đặc biệt nữ nhân vật Kiều Nguyệt Nga - người con gái Việt Nam đức hạnh nết na - rõ ràng có một cuộc sống nội tâm khá phong phú, sâu sắc, một sự thông minh dễ thương và một đức kiên trinh LỤC VÂN TIÊN 5

đáng khâm phục, khiến chúng ta không thể không xúc động và yêu quý nàng.

Tất cả những điều đó giải thích vì sao Lục Vân Tiên đã được đông đảo quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân Nam Bộ, mến mộ suốt hơn một thế kỷ qua; vì sao Lục Vân Tiên đã đi vào ca dao:

Vân Tiên Vân Tiển Vân Tiền Cho tôi một tiền, tôi kể Vân Tiên...

Thiên Chương

Lục Vân Tiên

(Nguyễn Đình Chiểu)

Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga

Trước đèn xem truyên Tây minh, (1) Gẫm cười hai chữ nhân tình éo le. Hỡi ai lẳng lặng mà nghe, Dữ răn việc trước lành dè thân sau. Trai thời trung hiếu làm đầu Gái thời tiết hạnh là câu trau mình. Có người ở quân Đông Thành, Tu nhân tích đức sớm sinh con hiền. Đặt tên là Lục Vân Tiên, Tuổi vừa hai tám nghề chuyên học hành.(2) Theo thầy nấu sử xôi kinh, Tháng ngày bao quản sân Trình lao đao (3) Văn đà khởi phung đằng giao, (4) Võ thêm ba lược sáu thao ai bì. Xảy nghe mở hôi khoa thi, Vân tiên vào ta tôn sư xin về: "Bấy lâu cửa thánh dưa kề. Đã tươi khí tượng lại xuê tinh thần. Nay đà gặp hội long vân, Ai ai mà chẳng lập thân buổi này. Chí lăm bắn nhạn ven mây, (5)

Danh tôi đăng rang tiếng thầy bay xa.(6) Làm trai trong cõi người ta, Trước là báo bổ sau là hiển vang".(7) Tôn sư khi ấy luân bàn: "Gẫm trong số hệ khoa tràng còn xa. Máy trời chẳng dám nói ra,(8) Xui thầy thương tới xót xa trong lòng. Sau dầu tỏ nỗi đuc trong. Phải toan một phép để phòng hộ thân. Rày con xuống chốn phong trần, Thầy cho hai đạo phù thần đem theo.(9) Chẳng may mà gặp lúc nghèo, (10) Xuống sông cũng vững lên đèo cũng an". Tôn sư trở lai hâu đàng, Vân Tiên ngơ ngẩn trong lòng sinh nghi: "Chẳng hay mình mắc việc chi, Tôn sư người dạy khoa kì còn xa? Hay là bối rối việc nhà, Hay là đức bac hay là tài sơ? Bấy lâu lòng những ước mơ Hội này chẳng gặp còn chờ hội nao? Nên hư chẳng biết làm sao, Chi bằng hỏi lai lẽ nào cho minh. Đăng cho rõ nỗi sư tình, Ngõ sau ngàn dặm đăng trình mới an". Tôn sư ngồi hãy thở than, Ngó ra trước án thấy chàng trở vô. Hỏi rằng: "Van lý trường đồ, Sao chưa cất gánh trở vô việc gì? Hay là con hãy hồ nghi, Thầy bàn một việc khoa kì ban trưa?" Vân Tiên nghe nói liền thưa: "Tiểu sanh chưa biết nắng mưa buổi nào. Song đường tuổi hạc đã cao,(11) Xin thầy nói lại âm hao con tường".(12)

Tôn sư nghe nói thêm thương, Dắt tay ra chốn tiền đường xem trăng. Nhân cơ tàng sự dặn rằng:(13) "Việc người chẳng khác việc trăng trên trời. Tuy là soi khắp mọi nơi, Khi mờ khi tỏ khi vơi khi đầy. Sau con cũng rõ lẽ này, Lưa là con phải hỏi thấy làm chi. Số con hai chữ khoa kì. Khôi tinh đã rang tử vi thêm loà.(14) Hiểm vì ngựa chạy đường xa, Thổ vừa ló bóng gà đà gáy tan.(15) Bao giờ cho tới bắc phang, Gặp chuột ra đàng con mới nên danh. Sau dầu đăng chữ hiển vinh, Mấy lời thầy nói tiền trình chẳng sai.(16) Trong cơ bĩ cực thới lai, Giữ mình cho ven việc ai chớ sờn". Vân Tiên vôi vã ta ơn, Trăm năm dốc giữ keo sơn mọi lời. Ra đi vừa rạng chân trời, Ngùi ngùi nhớ lai nhớ nơi học đường. Tiên rằng: "Thiên các nhứt phương.(17) Thầy đeo đoản thảm tơ vương mối sầu. Quản bao thân trẻ dãi dầu, Mang đai Tử Lộ quảy bầu Nhan Uyên.(18) Bao giờ cá nước gặp duyên, Đặng cho con thảo phỉ nguyền tôi ngay".(19) Kể từ lướt dăm tới nay, Mỏi mê hầu đã mấy ngày xông sương. Đoái nhìn phong cảnh thêm thương, Vơi với dăm cũ nẻo đường còn xa. Chi bằng kiếm chốn lân gia, Trước là tìm ban sau là nghỉ chân.

Việc chi than khóc tưng bừng, Đều đem nhau chạy vào rùng lên non? Tiên rằng: "Bớ chú cõng con, Việc chi nên nỗi bon bon chạy hoài?" Dân rằng: "Tiểu tử là ai, Hay là một đảng sơn đài theo tao?"(20) Tiên rằng: "Cớ sự làm sao, Xin ngùng vài bước sẽ trao một lời". Dân nghe tiếng nói khoan thai, Kêu nhau dừng lai bày lời phân qua: "Nhơn rày có đảng lâu la, Tên rằng Đỗ Dự hiệu là Phong Lai. Nhóm nhau ở chốn sơn đài. Người đều sợ nó có tài khôn đương. Bây giờ xuống cướp thôn hương. Thấy con gái tốt qua đường bắt đi. Xóm làng chẳng dám nói chi, Cảm thương hai gã nữ nhi mắc nàn. Con ai vóc ngọc mình vàng, Má đào mày liễu dung nhan lạnh lùng.(21) E khi mắc đảng hành hung, Uổng trang thực nữ sánh cùng thất phu.(22) Thôi thôi chẳng dám nói lâu, Chạy đi cho khỏi kẻo âu tới mình".(23) Vân Tiên nổi giân lôi đình, Hỏi thăm: "Lũ nó còn đình nơi nao? Tôi xin ra sức anh hào, Cứu người cho khỏi lao đao buổi này". Dân rằng: "Lũ nó còn đây, Qua xem tướng bâu thơ ngây đã đành.(24) E khi hoa hổ bất thành(25) Khi không mình lại xô mình xuống hang".(26) Vân Tiên ghé lại bên đàng, Bẻ cây làm gây nhắm làng xông vô. Kêu rằng: "Bớ lũ hung đồ,

Chớ quen làm thói hồ đồ hai dân". Phong Lai mặt đỏ phùng phùng: "Thằng nào dám tới lẫy lừng vào đây? Trước gây việc dữ tại mầy. Truyền quân bốn phía phủ vây bit bùng". Vân Tiên tả đột hữu xung, Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dương.(27) Lâu la bốn phía vỡ tan, Đều quăng gươm giáo tìm đàng chay ngay. Phong Lai trở chẳng kịp tay, Bị Tiên một gây thác rày thân vong. Dep rồi lũ kiến chòm ong, Hỏi: "Ai than thóc ở trong xe này?" Thưa rằng: "Tôi thiệt người ngay, Sa cơ nên mới làm tay hung đồ. Trong xe chật hẹp khôn phô, Cúi đầu trăm lay cứu cô tôi cùng". Vân Tiên nghe nói động lòng, Đáp rằng: "Ta đã trừ dòng lâu la. Khoan khoan ngồi đó chớ ra, Nàng là phận gái ta là phận trai. Tiểu thơ con gái nhà ai, Đi đâu nên nỗi mang tai bất kỳ? Chẳng hay tên họ là chi, Khuê môn phận gái việc gì đến đây? Trước sau chưa hãn da này, (28) Hai nàng ai tớ ai thấy nói ra". Thưa rằng: "Tôi Kiều Nguyêt Nga, Con này tì thiếp tên là Kim Liên. Quê nhà ở quận Tây Xuyên, Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê. Sai quân đem bức thơ về, Rước tôi qua đó định bề nghi gia. Làm con đâu dám cãi cha,

Ví dầu ngàn dăm đường xa cũng đành. Chẳng qua là sự bất bình, Hay vầy cũng chẳng đăng trình làm chi. Lâm nguy chẳng gặp giải nguy, Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi. Trước xe quân tử tạm ngồi, Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa. Chút tôi yếu liễu đào thơ, Giữa đường lâm phải bụi do đã phần. Hà Khê qua đó cũng gần, Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng. Gặp đây đương lúc giữa đàng, Của tiền chẳng có bac vàng thì không. Gẫm câu báo đức thù công,(29) Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi". Vân Tiên nghe nói liền cười: "Làm ơn há dễ trông người trả ơn? Nay đà rõ đăng nguồn cơn, Nào ai tính thiệt so hơn làm gì. Nhớ câu kiến ngãi bất vi, Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.(30) Đó mà biết chữ thỉ chung, Lưa là đây phải theo cùng làm chi". Nguyệt Nga biết ý chẳng đi, Hỏi qua tên ho một khi cho tường. Thưa rằng: "Tiện thiếp đi đường, Chẳng hay quân tử quê hương nơi nào?" Phút nghe lời nói thanh tao, Vân Tiên há nỡ lòng nào phôi pha: "Đông Thành vốn thiệt quê ta, Họ là Lục thị tên là Vân Tiên". Nguyệt Nga vốn đấng thuyền quyên, Tai nghe lời nói tay liền rút trâm. Thưa rằng: "Nay gặp tri âm, Xin đưa một vật để cầm làm tin".

Vân Tiên ngơ mặt chẳng nhìn, Nguyệt Nga liếc thấy lòng thìn nết na: (31) "Vậy chi một chút gọi là, Thiếp thưa chưa dứt chàng đà làm ngơ. Của này là của vất vơ,(32) Lòng chê cũng phải lòng ngơ sao đành". Vân Tiên khó nỗi làm thinh, Chữ ân buộc lai chữ tình lây dây.(33) Than rằng: "Đó khéo trêu đây, On kia đã mấy của này rất sang. Đương khi gặp gỡ giữa đàng, Một lời cũng nhớ ngàn vàng chẳng phai. Nhớ câu trọng ngãi khinh tài, Nào ai chiu lấy của ai làm gì". Thưa rằng: "Chút phân nữ nhi, Vốn chưa biết lẽ có khi mích lòng. Ai dè những đứng anh hùng, Thấy trâm thôi lại then cùng cây trâm". Riêng than: "Trâm hỡi là trâm, Vô duyên chi bấy ao cầm mà mơ? Đưa trâm chàng đã làm ngơ, Thiếp xin đưa một bài thơ giã từ". Vân Tiên ngó lai rằng: "ù, Làm thơ cho kịp bấy chừ chẳng lâu". Nguyệt Nga ứng tiếng xin hầu, Xuống tay liền tả tám câu văn vần: "Thơ rồi này thiếp xin dâng, Ngửa trông lượng rộng văn nhân thế nào?" Vân Tiên xem thấy ngạt ngào, (34) Ai dè sức gái tài cao bực này. Đã mau mà lại thêm hay, Chẳng phen Ta nữ cùng tày Từ phi.(35) Thơ ngâm dũ xuất dũ kì,(36) Cho hay tài gái kém gì tài trai.

Như vầy ai lai thua ai, Vân Tiên hoạ lại một bài trao ra. Xem thơ biết ý gần xa, Mai hoà vận điểu, điểu hoà vận mai(37) Có câu xúc cảnh hứng hoài,(38) Đường xa vòi vọi dặm dài vơi vơi. Ai ai cũng ở trong trời, Gặp nhau lời đã can lời thời thôi. Vân Tiên từ giã phản hồi, Nguyêt Nga than thở: "Tình ôi là tình. Nghĩ mình mà ngán cho mình, Nỗi ân chưa trả nỗi tình lại vương. Năng nề hai chữ uyên ương. Chuỗi sầu ai khéo vấn vương vào lòng. Nguyệt cùng Nguyệt lão hỗi ông, Trăm năm cho ven chữ tùng mới an.(39) Hữu tình chi bấy Ngưu lang, (40) Tấm lòng Chức Nữ vì chàng mà nghiêng. Thôi thôi em hỡi Kim Liên, Đẩy xe cho chi qua miền Hà Khê". Trải qua dấu thỏ đường dê,(41) Chim kêu vươn hú tứ bề nước non. Vái trời cho đăng vuông tròn, Trăm năm cho trọn lòng son với chàng. Phút đâu đã tới phủ đàng, Kiều công xem thấy lòng càng sinh nghi. Hỏi rằng: "Nào kẻ tuỳ nhi,(42) Cớ sao nên nỗi con đi một mình?" Nguyệt Nga thưa việc tiền trình,(43) Kiều công tưởng nỗi sư tình chẳng vui. Nguyệt Nga da hãy bùi ngùi, Nghĩ mình thôi lại sụt sùi đòi cơn:(44) "Lao đao phận trẻ chi sờn, No nao trả đặng công ơn cho chàng".(45) Kiều công nghe nói liền can,

Day rằng: "Con hãy nghỉ an mình vàng. Khi nào cha rảnh việc quan, Cho quân đến đó mời chàng đến đây. Sao sao chẳng kịp thời chày,(46) Cha nguyễn trả đăng ơn này thời thôi. Hâu đường con hãy tam lui, Làm khuây da trẻ cho vui lòng già". Tây lầu trống điểm sang ba, Nguyệt Nga còn hãy xót xa phận mình. Dời chân ra chốn hoa đình,(47) Xem trăng rồi lại chạnh tình cố nhơn. Than rằng: "Lưu thuỷ cao sơn, Ngày nào nghe đặng tiếng đờn tri âm. Chữ tình càng tưởng càng thâm,(48) Muốn pha khó lợt muốn dầm khôn phai. Vơi vơi đất rông trời dài, Hỡi ai nỡ để cho ai đeo phiền". Trở vào bèn lấy bút nghiên, Đặt bàn hương án chúc nguyên thần linh. Làu làu một tấm lòng thành, Hoạ ra một bức tượng hình Vân Tiên. Than rằng: "Ngàn dăm sơn xuyên,(49) Chữ ân để da chữ duyên nhuốm sầu".

Chú thích

- (1) Bài văn tự răn nổi tiếng bàn về đạo hiếu và đạo nhân, do Trương Tái làm.
- (2) Hai tám: 16 tuổi
- (3) Sân Trình: Chỉ Trình Chiêu và Trình Di, hai nhà Tống nho nổi tiếng.
- (4) Văn đã như phượng trỗi dậy, rồng bay cao, tức văn đã thành tài.

- (5) ý nói quyết thi đỗ.
- (6) Danh tôi: danh của kẻ tôi tớ (Vân Tiên nói nhún)
- (7) Báo đáp công ơn cha mẹ và thầy
- (8) Máy trời: thiên cơ (cơ trời huyền bí)
- (9) Phù thần: bùa hộ mệnh
- (10) Hiểm nghèo
- (11) Song đường: xuân đường, huyên đường (cha mẹ). Tuổi hạc: tuổi thọ.
- (12) âm hao: tin tức
- (13) Nhân cơ trời đang chứa nhiều bí ẩn (do xem trăng sao mà biết)
- (14) Sao Thiên Khôi (sao văn học, thi cử) và sao Tử vi (thân mệnh) đều sáng rỡ
- (15) Nhưng gặp năm xung nên chưa thuận (mão xung dậu)
- (16) Tiền trình: con đường phía trước
- (17) Mỗi người một phương trời
- (18) Tử Lộ, Nhan Uyên: hai học trò giỏi của Khổng Tử, thuở nhỏ rất nghèo, Tử Lộ chỉ có một dây đai, Nhan Uyên chỉ có một bầu nước.
- (19) Tôi ngay: bề tôi trung thành của vua.
- (20) Đảng sơn đài: Đảng cướp núi.
- (21) Dung nhan lạnh lùng (tiếng cổ): sắc đẹp tuyệt vời.
- (22) Thục nữ: con gái đức hạnh. Thất phu: đàn ông thô bỉ.
- (23) âu (ưu): lo
- (24) Qua: ta; bậu: ngươi (bạn, anh bạn).
- (25) Vẽ hổ không thành: mưu đồ thất bại.
- (26) khi không: không dưng.
- (27) Triệu Tử phá vòng Đương Dương: Lưu Bị bị Tào Tháo đánh bại ở Tân Dã phải bỏ chạy. Quân Tháo đuổi theo đến Đương Dương, thì Lưu Bị phải bỏ cả vợ con, cướp đường rút về phía Nam, tướng tá lạc nhau. Triệu Tử Long một mình đánh phá vòng vây trùng điệp của quân Tào, vượt cầu Trường Bản, tìm gặp Lưu Bị.

- (28) Chưa hãn: chưa rõ, chưa biết chắc chắn.
- (29) Báo trả ơn đức, đền đáp công lao.
- (30) Luận ngữ: "kiến nghĩa bất vi vô dũng dã", nghĩa là : Thấy việc nghĩa không làm là người vô dũng.
- (31) Thìn: răn, giữ.
- (32) Của vất vơ: của quấy quá, không mấy giá trị.
- (33) Lây dây: lỡ dở không xuôi bề nào.
- (34) Ngạt ngào: mùi thơm nức, đây ý nói thơ hay lắm.
- (35) Chẳng phen: chẳng bằng, chẳng sánh kịp. Tạ nữ: tức Tạ Đạo Uẩn đời Tấn nổi tiếng thông minh, giỏi thơ văn. Từ phi: tên Huệ, người đời Đường, tám tuổi đã giỏi việc văn thơ.
- (36) Dũ xuất dũ kì: càng đọc càng thấy hay thấy lạ
- (37) Mai điểu: tranh mai và chim đẹp hài hoà. Đây nói thơ xướng hoạ, tinh ý rất xứng hợp nhau.
- (38) Xúc cảnh hứng hoài: xúc cảm trước cảnh đẹp mà động lòng thơ.
- (39) Vẹn chữ tùng: trọn đạo làm vợ (theo chồng).
- (40) Ngưu lang: nhân vật thần thoại, chồng của Chức Nữ.
- (41) Dấu thỏ đường dê: nơi xa xôi hẻo lánh, không vết chân người, chỉ có dấu chân thỏ, chân dê rừng.
- (42) Tuỳ nhi: trẻ theo hầu.
- (43) Tiền trình: việc đi đường vừa rồi.
- (44) Đòi cơn: nhiều cơn.
- (45) No nao: nổ biết lúc nào, chừng nào.
- (46) Sao sao: dù thế nào.
- (47) Hoa đình: nhà nhỏ ngồi thưởng hoa.
- (48) Thâm: sâu
- (49) Sơn xuyên: núi sông, nói sự xa xôi cách trở.

Lục Vân Tiên

Truyện nàng sau hãy còn lâu, Truyện chàng xin nối thứ đầu chép ra.(50) Vân Tiên từ cách Nguyệt Nga, Giữa đường lại gặp người ra kinh kì. Xa xem măt mũi đen xì, Mình cao số số di kì rất hung. Nhớ câu bình thuỷ tương phùng,(51) Anh hùng lại gặp anh hùng một khi: "Chẳng hay danh tánh là chi, Một mình mang gói ra đi việc gì". Đáp rằng: "Ta cũng xuống thi, Hớn Minh tánh tư, Ô Mi quê nhà Vân Tiên biết lẽ chính tà, Hễ người dị tướng ắt là tài cao. Chữ rằng: "Bằng hữu chi giao,(52) Tình kia đã gặp lẽ nào làm khuây. Nên rừng há dễ một cây, Muốn cho có đó cùng đây luôn vần. Kìa nơi võ miếu hầu gần, Hai ta vào đó nghỉ chưn một hồi". Cùng nhau bày ho tên rồi, Hai chàng từ tạ đều lui ra đường. Hớn Minh đi trước tưu trường,

Vân Tiên còn hãy hồi hương viếng nhà. Mùng rằng: "Nay thấy con ta, Cha già hằng tưởng mẹ già luống trông. Bấy lâu đèn sách gia công, Con đà nên chữ tang bồng cùng chăng?" Vân Tiên quỳ lạy thưa rằng: "Chẳng hơn người cổ cũng bằng người kim. Dám xin cha me an tâm, Cho con trả nơ thanh khâm cho rồi"(53) Me cha thấy nói thêm vui, Lại lo non nước xa xôi nghàn trùng. Cho theo một đứa tiểu đồng, Thư phong một bức dặn cùng Vân Tiên: "Xưa đà định chữ lương duyên, Cùng quan hưu trí ở miền Hàn Giang, Con người là Võ Thể Loan. Tuổi vừa hai bảy dung nhan mặn mà.(54) Chữ rằng Hồ Việt nhứt gia, (55) Con đi qua đó trao qua thơ này. Con dầu bước đăng thang mây, Dưới chưn đã sẵn một dây tơ hồng". Song thân day bảo vừa xong, Vân Tiên cùng gã tiểu đồng dời chân. a đi tách dặm băng chừng, Gió nam rày đã đưa xuân sang hè. Lại xem dặm liễu đường hoè, Tin ong ngơ ngáo tiếng ve vang dầy. Vui xem nước no non nây, Nước xao sóng dọn non vầy đá cao. Màn trời gấm trải biết bao. Trên nhành chim hót dưới ao cá cười. Quân thành nhắm cảnh coi người, Cảnh xinh như vẽ người tươi như dồi.(56) Hàn Giang phút đã tới nơi,

Vân Tiên ra mắt một hồi trình thơ. Võ công lấy đọc bấy giờ, Mừng duyên cầm sắt mối tơ đăng liền.(57) Liếc coi tướng mạo Vân Tiên, Khá khen học Lục phước hiền sinh con. Mày tằm mắt phụng môi son, Mười phân cốt cách vuông tròn mười phân. Những e kẻ Tấn người Tần,(58) Nào hay chữ ngẫu đặng gần chữ giai.(59) Xem đà đep đẽ hoà hai, Này dâu nam giản nọ trai đông sàng(60) Công rằng: "Ngãi tế mới sang,(61) Muốn lo việc nước phải toan việc nhà". Tiên rằng: "Nhờ lượng nhạc gia, Đại khoa dầu đặng tiểu khoa lo gì".(62) Công rằng: "Con đốc xuống thi, Sao không kết bạn mà đi tựu trường? Gần đây có một họ Vương, Tên là Trử Trưc văn chương tót đời.(63) Cha đà sai trẻ qua mời, Rằng con cùng gã thử chơi một bài. Thấp cao cao thấp biết tài, Vầy sau trước ban cùng mai mới mầu".(64) Xảy đâu Trử Trực tới hầu, Võ công sẵn đặt một bầu rươu ngon. Công rằng: "Nầy bớ hai con, Thơ hay làm đặng rượu ngon thưởng liền. Muốn cho Trưc sánh cùng Tiên, Lấy câu bình thuỷ hữu duyên làm đề".(65) Song song hai gã giao kề,(66) Lục Vương hai họ đua nghề một khi Cho hay kì lại gặp kì,(67) Bạch Hàm há dễ kém chi Như Hoành.(68) Công rằng: "Đơn quế đôi nhành, Bảng vàng thẻ bạc đã đành danh nêu.

Như chuông chẳng đánh chẳng kêu, Ngọn đèn tỏ rõ trước khêu bởi mình. Thiết trang lương đống đã đành,(69) Khá khen hai ho tài lành hoà hai". Trưc rằng: "Tiên vốn cao tài, Có đâu én hộc sánh vai một bầy?(70) Tình cò mà gặp nhau đây, Trực này xin nhượng Tiên này làm anh. Nay đà nên nghĩa đệ huynh, Xin về mai sẽ thương trình cùng nhau".(71) Phút xem trăng đã đứng đầu, Vân Tiên vào chốn thư lầu nghỉ an. Võ công trở lại hậu đàng, Đêm khuya dạy dỗ Thể Loan mọi lời: "Ngày mai vùa rạng chưn trời, Tiểu nhi trang điểm ra nơi lê đình.(72) Goi là chút nghĩa tổng tình.(73) Phòng sao cho khỏi bất bình cùng nhau". Bóng trăng vừa lộ nhành dâu, Vân Tiên vào ta giây lâu xuất hành. Ra đi vừa thuở bình minh, Thể Loan đứng trước lệ đình liễm dung.(74) Thưa rằng: "Quân tử phó công,(75) Xin thương bồ liễu chữ tùng ngây thơ. Tấm lòng thương gió nhớ mưa,(76) Đường xa ngàn dặm xin đưa một lời. Ngày nay thánh chúa trị đời, Nguyễn cho linh phụng gặp nơi ngô đồng.(77) Quản bao chút phận má hồng. Phòng khuya vò võ đợi trông khôn lường. Chàng dầu cung quế xuyên dương,(78) Thiếp xin hai chữ tào khương cho bằng.(79) Xin đừng tham đó bỏ đăng,(80) Chơi lê quên lưu chơi trăng quên đèn".

Tiên rằng: "Như lửa mới nhen, Dễ trong một bếp mà chen mấy lò. May duyên rủi nơ dễ phô,(81) Chớ nghi Ngô Khởi hãy lo Mãi Thần"(82) Thể Loan vôi vã lui chân, Vân Tiên từ biệt trông chừng Tràng An. Xa xa vừa mấy dặm đàng, Gặp Vương Tử Trực vấy đoàn cùng đi.(83) Trải qua thuỷ tú sơn kì,(84) Phỉ lòng cá nhảy gặp thì rồng bay.(85) Người hay lại gặp cảnh hay, Khác nào tiên tử chơi rày Bồng Lai. Cùng nhau tả chút tình hoài, (86) N m ba chén rươu một va`i câu thơ. Công danh ai chẳng ước mơ, Ba tầng cửa Võ một giờ nhảy qua. (87) Cùng nhau bàn bạc gần xa Chữ tài chữ mênh xưa hoà ghét nhau. Trưc rằng: "Rồng xuống vực sâu, Mặc dầu giỡn sóng mặc dầu chơi mây". (88) Tiên rằng: "Hồng hộc đều bay, E khi mỏi cánh lạc bầy về sau" (89) Mảng còn trò chuyên với nhau, Trông chùng kinh địa đã hầu tới nơi. (90) Chênh vênh vừa xế mặt trời, Hai người tìm quán nghỉ ngơi đợi kì. Đều bày tên họ một khi mới tường. Một người ở quận Phan Dương, Tên Hâm họ Trịnh tầm thường nghề văn. Một người ở phủ Dương Xuân, Ho Bùi tên Kiêm tác chừng đôi mươi. (91) Hai người lại gặp hai người, Đều vào một quán vui cười ngả nghiêng. Kiệm rằng: "Nghe tiếng anh Tiên, Nay đã thấy mặt phỉ nguyền ước ao".

Hâm rằng: "Chưa biết thấp cao, Làm thơ mới biết bậc nào tài năng:". Bèn kêu ông quán nói rằng: "Khá toan sắm sửa đồ ăn cho bề". (92) Quán rằng: "Thựt cá ê hề, Khô lân chả phụng bộn bề thiếu đâu. Kìa là thuốc lá ướp ngâu, (93) Trà ve điểm tuyết, rươu bầu cúc hương. (94) Để khi đãi khách giàu sang, Đãi người văn vật đãi trang anh hùng". Bốn người ngồi lại một vòng làm thơ. Kiệm Hâm còn hãy ngẩn ngơ, Phút thơ Tiên Trưc một giờ đều xong. Kiệm Hâm xem thấy lạ lùng, Gẫm nghi Tiên Trưc viết tùng cổ thi. (96) Chẳng hay ông quán cười chi, Vỗ tay xuống chiếu một khi cười dài. Tiên rằng: "Ông quán cười ai?" Quán rằng: "Cười kẻ bất tài đồ thơ, (97) Cười người Tôn Tẫn không lừa, Trước đà thấy máy chẳng ngừa Bàng Quyên". (98) Trưc rằng: "Lời nói hữu duyên, Thế trong kinh sử có tuyền cùng chăng?" (99) Quán rằng: "Kinh sử đã từng, Coi rồi lại khiến lòng hằng xót xa. Hỏi thời ta phải nói ra, Vì chưng hay ghét cũng là hay thương" (100) Tiên rằng: "Trong đuc chưa tường, Chẳng hay thương ghét ghét thương lẽ nào?" Quán rằng: "Ghét việc tầm phào, (101) Ghét cay ghét đẳng ghét vào tới tâm. Ghét đời Kiết Tru mê dâm, (102) Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang. Ghét đời U Lê đa đoan, (103)

Khiến dân luống chiu lầm than muôn phần. Ghét đời ngũ bá phân vân, (104) Chuông bể dối trá làm dân nhọc nhằn. Ghét đời thúc quí phân băng, (105) Sớm đầu tối đánh làng nhằng rối dân. Thương là thương đức thánh nhân, Khi nơi Tổng Vệ lúc Trần lúc Khuông. (106) Thương thầy Nhan Tử đỏ dang. (107) Ba mươi mốt tuổi tách đàng công danh. Thương ông Gia Cát tài lành, Gặp cơn Hớn mạt đã đành phui pha. (108) Thương thầy Đồng tử cao xa, (109) Chí thời có chí ngôi mà không ngôi. Thương người Nguyên Lượng ngùi ngùi, (110) Lõ bề giúp nước lại lui về cày. Thương ông Hàn Dũ chẳng may, (111) Sóm dung lời biểu ối đày đi xa. Thương thầy Liệm Lac đã ra, (112) Bị lời xua đuổi về nhà giáo dân. Xem qua kinh sử mấy lần, Nửa phần lại ghét nửa phần lại thương". Trực rằng: "Chùa rách Phật vàng, (113) Ai hay trong quán ẩn tàng kinh luân. (114) Thương dân sao chẳng lập thân, Để khi nắng ha toan phần làm mưa?" Quán rằng: "Nghiêu Thuấn thuở xưa, (115) Khó ngăn Sào Phủ, khôn ngừa Hứa Do. (116) Di Tề chẳng khứng giúp châu, (117) Môt mình một núi ai hầu chi ai. Ông Yông Phó ôm tài, (118) Kẻ cày người cuốc đoái hoài chi đâu. Thái Công xưa một cần câu, (119) Hôm mai sông Vi mặc dầu vui chơi. Nghiêm Lăng đã mấy đua bơi, (120)

Cày mây câu nguyệt tả tơi áo cầu. (121) Trần Đoàn chẳng chút lo âu, (122)

Gió trặng một túi công hầu chiếm bao,(123) Người nay có khác xưa nào, Muốn ra ai cấm muốn vào ai ngăn". Hâm rằng: "Lão quán nói nhăng, Dẫu cho trải việc cũng thằng bán cơm. Gối rơm theo phân gối rơm, Có đâu ở thấp mà chồm lên cao". Quán rằng: "Sấm chớp mưa rào, ếch ngồi đáy giếng thấy bao lăm trời. Sông trong cá lội thảnh thơi, Xem hai con mắt sáng ngời như châu. Uổng thay đàn gảy tai trâu, Nước xao đầu vịt ngẫm âu nực cười". Tiên rằng: "Ông quán chớ cười, Đây đà nhớ lại bảy người Trước Lâm.(124) Cùng nhau kết ban đồng tâm, Khi cờ khi rươu khi cầm khi thi. Công danh phú quí màng chi, Sao bằng thong thả mặc khi vui lòng. Rừng nhu biển thánh minh mông,(125) Dù ai lăn lôi cho cùng vây vay". Quán rằng: "Đó biết ý đây, Lời kia đã can rươu này thưởng cho". Kiệm Hâm là đứa so đo, Thấy Tiên dường ấy âu lo trong lòng. Khoa này Tiên ắt đầu công, Hâm dầu có đậu cũng không xong rồi. Mảng còn nghĩ việc tới lui, Xảy nghe trống đã giục thôi vào trường. Kẻ thùng người tráp đây đường, Lao xao đoàn bảy chàng ràng lũ la.

Vân Tiên vừa bước chân ra. Bỗng đâu xảy gặp tin nhà gởi thơ. Khai phong mới tỏ sư cơ,(126) Mình gieo xuống đất dật dờ hồn hoa. Hai hàng luy ngọc nhỏ sa, Trời nam đất bắc xót xa đoan trường. Anh em ai nấy đều thương, Trời ơi há nõ lấp đường công danh. Những lăm công toại danh thành, Nào hay từ mẫu u minh sớm đời! Gắng vào trong quán yên nơi, Tớ thấy than thở liệu lời quy lai.(127) Tiểu đồng than vắn than dài: "Trời sao trời nỡ phụ tài người ngay". Trực rằng: "Đã đến nỗi này, Tiểu đồng bậu hãy làm khuây giải phiền. Sớm hôm thang thuốc giữ gìn, Chờ ta vài bữa ra trường sẽ hay, Bây giờ kíp rước thơ may, Sắm đổ tang phục nôi ngày cho xong. Dây rom mũ bạc áo thùng. Cứ theo trong sách Văn Công mà làm".(128) Tiên rằng: "Con bắc me nam, Nước non vòi voi đã cam lỗi nghì. Trong mình không cánh không vi, Lấy chi lướt dặm lấy chi bớt đàng. Vào trong phút lại gặp tang, Ngẩn ngơ kẻ ở lỡ làng người đi. Việc trong trời đất biết chi, Sao dời vật đổi còn gì mà trông. Hai hàng luy ngọc ròng ròng, Tưởng bao nhiều lại đau lòng bấy nhiều. Cánh buồm bao quản gió xiêu, Ngàn trùng biển rộng chín chìu ruột đau. Thương thay chín chữ cù lao.(129)

Ba năm nhũ bô biết bao nhiều tình".(130) Quán rằng: "Trời đất thình lình, Gió mưa đâu phút gãy cành thiên hương".(131) Ai ai trông thấy cũng thương, Lỡ bề báo hiếu lỡ đường lập thân. Dẫu cho chước quy mưu thần, Phong trần ai cũng phong trần như ai. éo le ai khéo đặt bày, Chữ tài liền với chữ tại một vần. Đường đi hơn tháng chẳng gần, Khi qua khi lại mấy lần xông pha. Xảy đâu ban tác vừa ra,(132) Trưc cùng Hâm Kiêm xúm mà đưa Tiên. Hâm rằng: "Anh chớ ưu phiền, Khoa này chẳng gặp ta nguyền khoa sau. Thấy nhau khó nỗi giúp nhau, Môt vừng mây bac dàu dàu khá thương". Vân Tiên cất gánh lên đường, Trịnh Hâm ngó lại đôi hàng nhỏ sa. Đi vừa một dặm đường xa, Phút nghe ông quán bôn ba theo cùng. Quán rằng: "Thương đấng anh hùng, Đưa ba hườn thuốc để phòng hộ thân. Chẳng may gặp lúc gian truân. Đương khi quá đói thuốc thần cũng no". Tiên rằng: "Cúi đội ơn cho, Tấm lòng ngài ngại hãy lo xa gần".(133) Quán rằng: "Ta cũng bâng khuâng, Thấy vầy nên mới tị trần đến đây.(134) Non xanh nước biếc vui vầy, Khi đêm rươu cúc khi ngày trà lan. Dấn thân vào chốn an nhàn. Thoát vòng danh lợi lánh đàng thị phi". Nói rồi quày quả ra đi,(135)

Vân Tiên xem thấy càng nghi trong lòng. Trông chùng dặm cũ thẳng xông, Nghĩ đòi cơn lai não nùng đòi cơn: "Nên, hư chút phân chi sờn, Nhớ câu dưỡng dục lo ơn sanh thành.(136) Mang câu bất hiểu đã đành, Nghĩ mình mà then cho mình làm con. Tron đời một tấm lòng son, Chí lăm trả nơ nước non cho rồi. Nào hay nước chảy hoa trôi, Nào hay phận bạc như vôi thế này. Một mình ngơ ngẩn đường mây, Khác nào chiếc nhan lac bầy kêu sương. Đến nay lâm việc mới tường, Hèn chi thầy day khoa trường còn xa". Tiểu đồng thấy vậy thưa qua: "Gẫm đây cho đến quê nhà còn lâu. Thầy sao chẳng ngớt cơn sầu, Mình đi đã mỏi dòng châu thêm nhuần. E khi mang binh nửa chừng, Trong non khó liệu giữa rừng khôn toan". Tiên rằng: "Khô héo lá gan, Ôi thôi con mắt đã mang lấy sầu. Mit mù nào thấy chi đâu,(137) Chưa đi đã mỏi mình đau như dần. Có thân phải khổ vì thân, Thân ơi thân biết mấy lần chẳng may!" Đồng rằng: "Trời đất có hay, Ra đi vừa đặng mười ngày lại đau. Một mình nhắm trước nhắm sau, Xanh xanh bờ cõi dào dào cỏ cây. Vốn không làng xóm chi đây, Xin lần tới đó tìm thầy thuốc thang. Vừa may gặp khách qua đàng, Người người đều chỉ vào làng Đồng Văn

Dắt nhau khi ấy hỏi phăn,(138) Gặp thầy làm thuốc tên rằng Triệu Ngang. Ngang rằng: "Khá tạm nghỉ an, Rạng ngày coi mạch đầu thang mới đành.(139) Gặp ta binh ấy ắt lành, Bạc tiền trong gói sẵn dành bao nhiêu?" Đồng rằng: "Tiền bac chẳng nhiều, Xin thầy nghĩ lượng đặng điều thuốc thang. May mà bịnh ấy đặng an, Bac còn hai lương trao sang cho thầy". Ngang rằng: "Ta ở chốn này, Ba đời nối nghiệp làm thầy vừa ba. Sách chi cũng đủ trong nhà, Nội kinh đã sẵn ngoại khoa thêm mầu. Trước xem Y học làm đầu, Sau coi Thọ thế thứ cầu Đông y.(140) Gẫm trong Ngân hải tinh vi,(141) Cùng là Cang mục thua gì Thanh nang.(142) Gầm trong Tập nghiệm lương phang.(143) Cùng là Ngư Toản trải đàng Hồi xuân.(144) Vị chi sẵn đặt quân thần,(145) Thuốc thời bào chế mười phần nỏ nan. (146) Mach thời đoc phú Lư san,(147) Đặt vào tay bịnh biết đàng tử sanh Luc quân tứ vật thanh danh.(148) Thập toàn Bát vị sẵn dành nội thương.(149) Lại thông Bát trận tân phương.(150) Lâm nhằm ngoại cảm đầu thang Ngũ sài.(151) Đồng rằng: "Thầy thiệt có tài, Xin vào coi mach luân bài thuốc chi. Ngang rằng: "Lục bộ đều suy,(152) Bộ quan bên tả mạch đi phù hồng.(153) Cứ trong kinh lạc mà thông,(154) Mang môn tướng hoả đã xông lên đầu.(155)

Tam tiêu tích nhiệt đã lâu. Muốn cho giáng hoả phải đầu tư âm.(156) Huỳnh liên huỳnh bá huỳnh cầm,(157) Gia vào cho bôi nhiệt tâm mới bình.(158) Ngoài thời cho điểm vạn linh,(159) Trong thời cho uống hoàn tình mới xong.(160) Khá trao hai lượng bạc ròng, Bổ thêm vị thuốc để phòng đầu thang. Chẳng qua làm phước cho chàng, Nào ai đòi cuốc đòi đàn chi ai".(161) Tiểu đồng những ngỡ thiệt tài, Vội vàng mở gói chẳng nài liền trao. Mười ngày chẳng bớt chút nào, Thêm đau trong da như bào như xoi. Đồng rằng: "Vào đó thầy coi, Bịnh thời không giảm thầy đòi tiền thêm". Ngang rằng: "Nằm thấy khi đêm. Tiên sư mách bảo một điềm chiêm bao.(162) Quỉ thần người ở trên cao, E khi đường sá lẽ nào biết đâu?(163) Tiểu đồng, người khá qua cầu,(164) Cùng ông thầy bói ở đầu tây viên". Tiểu đồng nghe nói đi liền, Gặp ông thầy bói đặt tiền mà coi. Bói rằng: "Ta bói hẳn hoi, Bói hay đã dậy người coi đã đầy. Ta đây nào phải các thấy, Bá vơ bá vất nói nhây không nhằm. Ôn nhuần Châu Diệc mấy năm, Sáu mươi bốn quẻ ba trăm dư hào.(165) Huỳnh kim Dã hac sách cao,(166) Lục Nhâm Lục giáp chỗ nào chẳng hay.(167) Can, chi đều ở trong tay,(168) Đã thông trời đất lại hay việc người. Đặt tiền quan mốt bốn mươi,

Khay trầu chén rươu cho tươi mới thành". Thầy bèn gieo đặng quẻ linh, Chiêm tên tuổi ấy lô trình mắc chi.(169) ứng vào rùa với cỏ thi, (170) Rồi thầy coi quẻ một khi mới tường". Đồng rằng: "Người ở đông phương, Nhơn đi buôn bán giữa đường chẳng an. Con nhà ho Luc là chàng, Tuổi vừa hai tám còn đàng thơ ngây". Bói rằng: "Đinh sửu năm nay, Hèn chi giáp tý ngày rày chẳng an. Mang kim lai ở cung càn, Tuổi này là tuổi giàu sang trong đời. Cầu tài quẻ ấy xa vời, Khen người khéo nói những lời trêu ta". Cầm tiền gieo xuống xem qua, Môt giao hai sách lai ba hào trùng.(171) Trang thành là quẻ lục xung,(172) Thấy hào phụ mẫu khắc cùng tử tôn. Hoá ra làm quẻ du hồn, (173) Lại thêm thế động khắc dồn hào quan.(174) Cứ trong quẻ ấy mà bàn; Tuổi này mới chiu mẫu tang trong mình Xui nên phát bịnh thình lình, Vì chung ma quỉ lộ trình rất thiêng. Muốn cho quẻ ấy đặng yên, Phải tìm thầy pháp chữa chuyên ít ngày. Đồng rằng: "Thầy pháp đâu đây?" Bói rằng: "Cũng ở chốn này bước ra, Phép hay dậy tiếng đồn xa, Tên là Đạo Sĩ ở Trà Hương thôn". Tiểu đồng mới chay bôn bôn, Hỏi thăm Đạo sĩ hương thôn chốn nào. Chơ đông buôn bán lao xao,

Người ta liền chỉ nơi vào chẳng xa. Đồng đi một buổi tới nhà, Đao sĩ xem thấy lòng mà mừng thay. Đồng rằng: "Nghe tiếng thầy đây, Trừ ma ếm quỷ phép thầy rất hay". Pháp rằng: "Ân đã cao tay,(175) Lại thêm phù chú xưa nay ai bì.(176) Qua sông cá thấy xếp vi, Vào rùng cop thấy phải quỳ lạy đưa. Pháp hay hú gió kêu mưa, Sai chim khiến vươn đuổi lừa vật trậu. Pháp hay miệng niệm một câu, Tóm thâu muôn vật vào bầu hồ linh.(177) Pháp hay sái đâu thành binh,(178) Bện hình làm tướng phá thành Diêm vương. Pháp hay đạo hoả phó thang, (179) Ngồi gươm đứng giáo mở đàng thiên hoang.(180) Có ba lương bac trao sang, Đăng thầy sắm sửa lập đàn chữa cho". Đồng rằng: "Tôi chẳng so đo, Khuyên thầy gắng sức chớ lo khó giàu. Bấy lâu thầy tớ theo nhau, Bac dành hai lương phòng sau đi đàng. Chữa chuyên bịnh ấy đặng an, Rồi tôi sẽ lấy đem sang cho thầy". Pháp rằng: "Về lấy sang đây, Cho thầy toan liệu lập bày đàn ra". Đồng rằng: "Tôi đã lo xa, Cực vì người bịnh ở nhà chẳng yên. Xin thầy gắng sức chiu phiền, Ra công bùa chú chữa chuyên cách nào". Pháp rằng: "Có khó chi sao, Người nằm ta chữa rồi trao phù về". Đồng rằng: "Tôi vốn thằng hề,(181) Bịnh chi mà khiến chịu bề chữa chuyên?"

Pháp rằng: "Ta biết kinh quyền, Đau nam chữa bắc mà thuyên mới tài". Tiểu đồng nghe lot vào tai, Lòng mùng vội vã nằm dài chữa chuyên. Pháp bèn cất tiếng hét lên: "Mời ông Bàn Cổ toa tiền chứng miêng.(182) Thình ông đại thánh Tề Thiên,(183) Thình bà Võ hâu đều liền đến đây.(184) Thỉnh ông Nguyên soái chinh tây,(185) Cùng bà Vương mẫu sum vầy một khi.(186) Thỉnh ông Phật tổ A Di, Thập phương chư Phật phù trì giúp công. Lại mời công chúa Ngũ Long, (187) Bình Nam ngũ hổ hội đồng an dinh.(188) Thỉnh trong thiên tướng thiên binh, Cùng là tam phủ Động Đình Xích Lân.(189) Thỉnh trong khắp hết quỷ thần, Cũng đều xuống chốn dương trần vui chơi. Cho người ba đạo phù trời, Uống vào khoẻ manh như lời chẳng sai". Tiểu đồng vâng lĩnh theo lời, Lấy phù trở lai toan bài thuốc thang. Vào nhà thưa với thầy Ngang: "Pháp phù đã đủ thầy toan phương nào?" Ngang rằng: "Còn bạc trong bao, Thời người khá lấy mà trao cho thầy". Đồng rằng: "Tôi hãy ở đây, Bình kia dầu khá mình này bán đi". Triệu Ngang biết chẳng còn chi, Kiếm đường tráo chác đuổi đi khỏi vòng:(190) "ở đây làng xóm khó lòng, E khi mưa nắng ai cùng đỡ che". Đồng rằng: "Trong gói vắng hoe, Bởi tin nên mắc bởi nghe nên lầm.

Những lo chay hết một trăm, Mình ve khô xép ruột tằm héo don. Thương thay tiền mất tât còn, Bơ vơ đất khách thon von thế này.(191) Thôi thôi gắng gượng khỏi đây, Tôi đi khuyên giáo đỡ ngày gạo rau".(192) Vân Tiên chi xiết nỗi sầu, Tiểu đồng dìu dắt qua cầu Lá Buôn.(193) Đương khi mưa gió luông tuồng,(194) Người buồn lai gặp cảnh buồn khá thương. Xiết bao ăn tuyết nằm sương, Màn trời chiếu đất dăm trường lao đao. Dầu cho tài trí bực nào. Gặp cơn nguy hiểm biết sao mà nhờ. Tiên rằng: "Đi đã ngẩn ngơ, Tìm nơi cây cối bui bờ nghỉ chưn". Đồng rằng: "Chốc nữa khỏi rừng, Tìm nơi quán xá sẽ dừng nghỉ ngơi". Non tây vừa khuất mặt trời, Tớ thầy dìu dắt tới nơi Đai Đề. Trường thi một lũ vừa về, Trınh Hâm xem thấy lai kề hỏi thăm: "Anh về nay đã hai rằm,(195) Cớ sao mang bịnh còn nằm nơi đây?" Tiên rằng: "Tôi vốn chẳng may, Chẳng hay chư hữu khoa này thế nao?" Hâm rằng: "Tử Trực đậu cao, Tôi cùng Bùi Kiệm đều vào cử nhân. Một mình về trước viếng thân, Hai người trở việc còn lần đi sau. Đương cơn hoạn nạn gặp nhau, Người lành nõ bỏ người đau sao đành. Từ đây tới quận Đông Thành, Trong mình có bịnh, bộ hành xao xong? Lần hồi đến chốn giang trung,

Tìm thuyền ta sẽ tháp tùng với nhau". Tiên rằng: "Tình trước ngãi sau, Có thương xin khá giúp nhau phen này". Hâm rằng: "Anh tạm ngồi đây, Tiểu đồng người tới trước này cùng ta. Vào rừng kiếm thuốc ngoại khoa, Phòng khi sông biển phong ba bất kì". Tiểu đồng vôi vã ra đi Muốn cho đặng việc quản gì lao đao. Trinh Hâm trong da gươm dao, Bắt người đồng tử trói vào gốc cây: "Trước cho hùm cop ăn mày, Hại Tiên phải dụng mưu này mới xong". Vân Tiên ngồi những đợi trông, Trình Hâm về nói tiểu đồng cop \(\overline{n}\). Vân Tiên than khóc nằm lăn: "Có đâu địa hãm thiên băng thình lình.(196) Bấy lâu đất khách lưu linh, Một thầy một tớ lộ trình nuôi nhau. Nay đà hai ngả phân nhau, Còn ai nưng đỡ trước sau cho mình". Hâm rằng: "Anh chớ ngại tình, Tôi xin đưa tới Đông Thành thời thôi". Vân Tiên chi xiết lụy rơi, Buồm đà theo gió chạy xuôi một bề. Tiểu đồng bị trói khôn về, Kêu la chẳng thấu bốn bề rừng hoang: "Phân mình đã mắc tại nàn, Cám thương họ Lục suối vàng bơ vơ. Xiết bao những nỗi dật dờ, Đò giang nào biết bụi bờ nào hay. Vân Tiên hồn có linh rày, Đem tôi theo với đỡ tay chưn cùm". Vái rồi luy nhỏ ròng ròng,

Đêm khuya ngồi dưa côi tùng ngủ quên. Sơn quân ghé lại một bên,(197) Cắn dây mở trói cõng lên ra đàng. Tiểu đồng thức dây mơ màng, Xem qua dấu đất ràng ràng mới hay.(198) Nửa mùng nửa lại sợ thay, Chạy ra chốn cũ tìm thầy Vân Tiên. Mặt trời vừa khỏi mái hiện, Người buôn kẻ bán chợ phiên nhộn nhàng. Hỏi thăm bà quán giữa đàng: "Bữa qua có thấy người tang chăng là?"(199) Quán rằng: "Thôi đã ra ma, Khi mai làng xóm người đà đi chôn". Tiểu đồng nghe nói kinh hồn, Hỏi rằng: "Biết chỗ nào chôn chỉ chừng". Tay lau nước mắt rưng rưng, Xảy nghe tiếng nói đầu rừng lao xao. Tiểu đồng vôi vã bước vào, Xóm làng mới hỏi: "Thằng nào tới đây?" Đồng rằng: "Tớ tới kiếm thầy, Chẳng hay người thác mả này là ai?" Người rằng: "Một gã con trai, ở đâu không biết lạc loài tới đây. Chưn tay mặt mũi tốt thay, Đau chi nên nỗi nước này khá thương". Tiểu đồng chẳng kip hỏi han, Nằm lăn bên mả khóc than một hồi. Người đều xem thấy thương ôi, Kêu nhau vác cuốc đều lui ra đàng. Tiểu đồng nằm giữa rừng hoang, Che chòi giữ mả lòng toan tron bề. Một mình ở đất Đại Đề, Sớm đi khuyên giáo tối về quảy đơm.(200) Dốc lòng trả nợ áo cơm, Sống mà trọn nghĩa thác thơm danh hiện.

Thứ này đến thứ Vân Tiên, Năm canh ngồi dựa be thuyền thở than. Trong khăn luy nhỏ chứa chan, Cám thương phận tớ mắc nàn khi không. Lênh đênh thuyền giữa biển đông, Riêng than một tấm cô bồng ngắn ngơ.(201) Đêm khuya lăng lẽ như tờ, Nghênh ngang sao mọc mịt mờ sương bay.(202) Trịnh Hâm khi ấy ra tay, Vân Tiên bị gã xô ngay xuống vời.(203) Trịnh Hâm giả tiếng kêu trời, Cho người thức dây lấy lời phôi pha.(204) Trong thuyền ai nấy kêu la, Đều thương họ Lục xót xa tấm lòng. Vân Tiên mình lụy giữa dòng, Giao long dùu đỡ vào trong bãi rày. Vừa may trời đã sáng ngày, Ông chài xem thấy vớt ngay lên bờ. Hối con vầy lửa một giờ,(205) Ông hơ bụng dạ mụ hơ mặt mày. Vân Tiên vừa ấm chân tay, Ngẩn ngơ hồn phách như say mới rồi. Ngỡ thân mình phải nước trôi, Hay đâu còn hãy đặng ngồi dương gian. Ngư ông khi ấy hỏi han, Vân Tiên thưa hết mọi đàng gần xa. Ngư rằng: "Người ở cùng ta, Hôm mai hẩm hút với già cho vui".(206) Tiên rằng: "Ông lấy chi nuôi, Thân tôi như thể trái mùi trên cây.(207) May đà trôi nổi đến đây, Không chi báo đáp mình này trơ trơ". Ngư rằng: "Lòng lão chẳng mơ, Dốc lòng nhơn nghĩa há chờ trả ơn?

Nước trong rửa ruột sach trơn, Một câu danh lợi chi sờn lòng đây. Rày doi mai vinh vui vây,(208) Ngày kia hứng gió đêm này chơi trăng. Một mình thong thả làm ăn, Khoẻ quơ chài lưới mệt quăng câu dầm. Nghêu ngao nay chích mai đầm,(209) Một bầu trời đất vui thầm ai hay. Kinh luân đã sẵn trong tay, Thung dung dưới thế vui say trong trời. Thuyền nan một chiếc ở đời. Tắm mưa chải gió trong vời Hàn Giang". Tiên rằng: "Vây cũng một làng, Võ Công người ở gần đàng đây chặng?" Ngư rằng: "Nhà ở cũng gần, Khỏi ba khúc vinh thì lần đến nơi". Tiên rằng: "Xưa đã gá lời, Sui gia bao nỡ đổi dời chẳng thương. Vơ chồng là đao tào khương, Chi bằng tới đó tìm phương gởi mình. Trăm năm muốn tron ân tình, Đương khi hoan nan ai đành bỏ nhau. Chút nhờ cứu tử ơn sâu.(210) Xin đem tới đó trước sau cho tròn". Ngư rằng: "Làm đạo rể con, Cũng như sơi chỉ mà lòn trôn kim Sơ bay mà mỏi sức chim, Bơ vơ kiểng lạ khôn tìm cây xưa. E khi châm bước tới trưa, Chớ tin sông cũ bến xưa mà lầm. Mấy ai ở đặng hảo tâm, Nắng toan giúp nón mưa dầm giúp tơi? Mấy ai hay nghĩ việc đời, Nhớ nơi nghèo khổ quên nơi sang giầu? Đã ba thứ tóc trên đầu,

Gẫm trong sư thế thêm âu cho đời". Vân Tiên thưa đã hết lời, Ngư ông chẳng đã, tách vời đưa sang.(211) Dắt Tiên vào chốn hậu đàng, Võ Công xem thấy lòng càng hổ ngươi. Chẳng qua sơ thế gian cười, Một lời gượng gạo: "Chào người ngày xưa, Ngư ông đã có công đưa, Tới ngày sau sẽ lo lừa đền ơn". Ngư rằng: "Tôi chẳng lòng sờn, Xin tròn nhơn ngãi còn hơn bạc vàng. Nhớ xưa trong núi Lư San, Có ông ngư phủ đưa chàng Ngũ Viên.(212) Tới sau đình trưởng đỗ thuyền, Giúp người Hang Võ qua miền Ô Giang.(213) Xưa còn thương kẻ mắc nàn, Huống nay ai nỡ quên đàng ngãi nhơn". Một lời gắng giúp keo sơn, Ngư ông từ giã lui chưn xuống thuyền. Võ Công không ngớt lòng phiền, Ân tình, thế lợi khó tuyền đặng vay. Day Tiên: "Người hãy ngồi đây, Cho ta trở lai sau này liệu toan". Công rằng: "Hỗi mụ Quỳnh Trang, Dò lòng ái nữ Thể Loan thế nào? Măc con toan liệu làm sao, Vốn không ép vợ lẽ nào ép con". Loan rằng: "Gót đỏ như son, Xưa nay ai nỡ đem chôn xuống bùn. Ai cho sen muống một bồn, Ai từng chanh khế sánh phồn lựu lê?(214) Thà không chót chiu một bề, Nõ đem mình ngọc dựa kề thất phu! Dốc lòng chờ đơi danh nhu,

Rể đâu có rể đui mù thế ni? Đã nghe người nói hôi này, Rằng Vương Tử Trực chiếm rày thủ khoa. Ta dầu muốn kết sui gia, Họ Vương, họ Võ một nhà mới xinh". Công rằng muốn trọn việc mình, Phải toan một chước dứt tình mới xong. Nghe rằng trong núi Thương Tòng, Có hang thăm thẳm bịt bùng khôn ra. Đông Thành ngàn dăm còn xa, Đem chàng bỏ đó ai mà biết đâu". Phút vừa trăng đã đứng đầu, Vân Tiên ngồi trước nhà cầu thở than.(215) Võ Công ra trước dỗ chàng, Xuống thuyền rồi sẽ đưa sang Đông Thành. Ra đi đương lúc tam canh, Dắt vào hang tối bỏ đành Vân Tiên. Bỏ rồi rón rén bước liền. Xuống gay chèo quế dời thuyền tách xa.(216) Tiên rằng: "Các chú đưa ta, Xin đưa cho tới quê nhà sẽ hay. Ghi lòng đốc trọn thảo ngay, Môt phen mà khỏi ngàn ngày chẳng quên". Lắng nghe vẳng tiếng hai bên, Trong hang tăm tối đá trên châp chồng. Vân Tiên khi ấy hãi hùng, Nghĩ ra mới biết Võ Công hại mình. Nưc cười con tao trớ trinh,(217) Chữ duyên tráo chác, chữ tình lãng xao. Ngẫm mình tai nan biết bao, Mới lên khỏi biển lai vào trong hang. Dây sâu ai khéo vương mang, Tránh nơi lưới thỏ gặp đàng bẫy cheo.(218) Trong hang sau trước quanh hiu, Muốn ra cho khỏi ai dìu dắt đi.

Oan gia nơ đã khéo gây, Ôi thôi thân thể còn gì mà toan. Đã đành xa cõi nhân gian, Dưa mình vào chốn thach bàn nằm co. Đêm khuya ngon gió thổi lò, Sương sa lác đác mưa tro lạnh lùng.(219) Năm ngày chiu đói khát ròng, Nhờ ba hoàn thuốc đỡ lòng hôm mai. Du thần xem thấy ai hoài,(220) Xét trong mình gã có bài phù tiên. Mới hay là Lục Vân Tiên. Cùng nhau dìu dắt đều liền đêm ra. Khỏi hang một dặm vừa xa, Đên nơi đại lộ trời đà hừng đông. Du thần trở lai sơn trung, Vân Tiên còn hãy giấc nồng mê man. Lão tiều cơm gói sẵn sàng, Sớm mai xách búa đi ngang vào rừng. Tới nơi đại lộ là chùng, Xảy nghe có tiếng trong rừng thở than. Hay là yêu quái tà gian, Rung cây nhát lão làm đàng hai nhân. Lão tiều liền bước tới gần, Thiệt là một gã văn nhân mắc nàn. Chi bằng lên tiếng hỏi han: "Nhơn sao mắc việc tại nàn thế nay?" Vân Tiên nghe tiếng mùng thay, Vội vàng gượng dậy trình bày trước sau. Lão tiều nghe nói giờ lâu, Gẫm trong thế sự gật đầu thở than: "ít người trong tuyết đưa than,(221) Khó ngồi giữa chọ, ai màng đoái thương". Vân Tiên nghe nói mới tường, Cũng trang ẩn dật biết đường thảo ngay:

"Ngửa trông lương cả cao dầy, Cứu trong một buổi ơn tày tái sinh. Mai sau về tới Đông Thành, Đền ơn cứu khổ mới đành da tôi". Lão tiều mới nói: "Thôi thôi, Làm on mà lại trông người sao hay. Già hay thương kẻ thảo ngay, Này thôi để lão dắt ngay về nhà". Tiên rằng: "Trong dạ xót xa, Nay đà sáu bữa không hoà mùi chi.(222) Lai thêm rũ liệt tứ chi, Muốn đi theo đó mà đi khôn rồi". Lão tiều vôi ngửa áo tơi, Mở cơm trong gói miệng mời Vân Tiên: "Gắng mà ăn uống cho yên, Lão ra sức lão cõng Tiên về nhà". Khỏi rừng ra tới ngã ba, May đâu gặp một chàng là Hớn Minh. Lão tiều lật đật bôn trình,(223) Hớn Minh theo hỏi sư tình một khi. Vân Tiên nghe tiếng cố tri, Vội mừng bạn cũ còn nghi nỗi mình. Minh rằng: "Dám hỏi nhơn huynh,(224) Cớ sao nên nỗi thân hình thế ni?" Tiên rằng: "Chẳng xiết nói chi, Thân này nào có khác gì cây trôi. Linh đinh gió dập sóng dồi, Rày đây mai đó khôn rồi gian nan." Minh rằng: "Đây khó hỏi han, Xin vào chùa sẽ luân bàn cùng nhau." Tiều rằng: "Chẳng dám ngồi lâu Vào rừng đốn củi bán chầu chọ phiên." Hớn Minh quỳ gối lạy liền: "On ông cứu đặng Vân Tiên bạn lành, Này hai lượng bạc trong mình,

Tôi xin báo đáp chút tình cho ông". Tiều rằng: "Vốn lão tình không. Một mình ngơ ngẩn non tòng hôm mai. Tấm lòng chẳng muốn của ai, Lánh nơi danh lơi chông gai cực lòng. Kìa non nọ nước thong dong, Trăng thanh gió mát bạn cùng hươu nai. Công hầu phú quí mặc ai, Lộc rừng gánh vác hai vai tháng ngày". Vân Tiên nghe biết người ngay, Hỏi thăm tên họ phòng ngày đền ơn. Lão tiều trở lai lâm sơn, Tiên, Minh hai gã đều hoàn am mây.(225) Tiên rằng: "Đã gặp khoa này, Cớ sao ngọc hữu ở đây làm gì?" Minh rằng: "Xưa đốc xuống thi, Gặp nơi miếu võ đều đi một lần. Anh thời về trước tỉnh thân.(226) Tôi thời mang gói sau lần ra kinh. Đi vừa tới huyên Loan Minh, Gặp con quan huyện Đặng Sinh là chàng. Giàu sang ỷ thế nghinh ngang, Gặp con gái tốt cưỡng gian không nghì.(227) Tôi bèn nổi giận một khi, Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò. Mình làm nỡ để ai lo. Bó tay chiu trói nộp cho huyện đàng. án đày ra quận Sóc Phang, Tôi bèn vượt ngực lánh đàng đến đây. Vừa may mà gặp chùa này, Mai danh ẩn tích bấy chầy náu nương". Vân Tiên nghe nói thảm thương, Lại bày một khúc tai ương phận mình. Minh nghe Tiên nói đông tình,

Hai hàng châu luy như bình nước nghiêng. Tiên rằng: "Thượng cội xuân huyên,(228) Tuổi cao tác lớn chưu phiền lao đao. Trông con như han trông dào, Mình này trôi nổi phương nào biết đâu. Vùng mây giăng bạc trên đầu, Ba năm chưa tron một câu sanh thành.(229) Hữu tam bất hiếu đã đành.(230) Tiểu đồng trước đã vì mình thác oan. Tưởng thôi như cắt ruôt gan, Quăn đau chín khúc chứa chan mấy lần". Minh rằng: "Người ở trong trần, Có khi phú quí có lần gian nan. Thấp cao vàng biết tuổi vàng, Gặp khi lửa đỏ màu càng thêm xuê. Thôi thôi anh chớ vôi về, ở đây nương náu toan bề thuốc thang. Bao giờ hết lúc tại nàn, Đem nhau ta sẽ lập đàng công danh. Cam La sớm gặp cũng xinh,(231) Muộn mà Khương Tử cũng vinh một đời.(232) Nên, hư có số ở trời, Bôn chôn sao khỏi đổi dời sao xong".(233) Vân Tiên khi ấy yên lòng, ở nơi am tư ban cùng Hớn Minh. Võ công làm việc trở trinh,(234) Dứt tình họ Lục mến tình họ Vương. Kể từ định chước hai chàng, Thể Loan hớn hở lòng càng thêm vui. Ngày ngày trang điểm phấn dồi, Phòng khi gặp gỡ đứng ngồi cho xuê. Xảy đâu Tử Trưc vừa về, Vào nhà ho Võ thăm bề Vân Tiên. Công rằng: "Chớ hỏi thêm phiền, Chàng đà lâm bịnh huỳnh tuyến xa chơi.(235)

Thương chàng phân bac trong đời, Cũng vì Nguyệt lão xe lơi mối hồng". Nghe qua Tử Trực chạnh lòng, Hai hàng nước mắt ròng ròng như mưa. Than rằng: "Chanh nhớ linh xưa, Nghĩa đà kết nghĩa tình chưa phỉ tình. Trời sao nõ phụ tài lành, Bảng vàng chưa thấy ngày xanh đã mòn. Cùng nhau chưa đặng vuông tròn. Người đà sớm thác ta còn làm chi? Trong đời mấy bực cố tri, Mấy trang đồng đao mấy người đồng tâm". Công rằng: "Ta cũng thương thầm, Tủi duyên con trẻ sắt cầm đở dang.(236) Thôi thôi khuyên chớ thở than, Đây đà tính đặng một đàng rất hay. Tới đây thời ở lai đây, Cùng con gái lão sum vầy thất gia.(237) Phòng khi hôm sớm vào ra, Thấy Vương Tử Trưc cũng là thấy Tiên. Trực rằng: "Ngòi bút dĩa nghiên,(238) Anh em xưa có thể nguyễn cùng nhau. Vơ Tiên là Trưc chi dâu, Chị dâu em bạn dám đâu lỗi nghì! Chẳng hay người học sách chi, Nói sao những tiếng dị kì khó nghe? Hay là học thói nước Tế, Vơ người Tử Củ đưa về Hoàn Công?(239) Hay là học thói Đường cung,(240) Vợ người Tiều Lạc sánh cùng Thế Dân? Người nay nào phải nhà Tần, Bất Vi gả vơ Di Nhân lấy lầm?(241) Nói sao chẳng biết hổ thầm, Người ta há phải là cấm thú sao?

Võ Công hổ then xiết bao, Ngồi trân khôn cãi lẽ nào cho qua. Thể Loan trong cửa bước ra. Miệng chào: "Thầy cử tân khoa mới về. Thiếp đà chẳng trọn lời thề, Lỡ bề sửa trắp lỡ bề nưng khăn. Tiếc thay dạ thỏ nằng nằng,(242) Đêm thu chờ đơi bóng trăng bấy chầy. Chẳng ưng thời cũng làm khuây, Nõ buông lời nói chẳng vì chẳng kiêng". Trực rằng: "Ai Lữ Phụng Tiên, Phòng toan đem thói Điêu Thuyền trêu ngươi.(243) Mồ chồng ngon cỏ còn tươi, Lòng nào mà nõ buông lời nguyệt hoa. Hố hang vậy cũng người ta, So loài cầm thú vây mà khác chi? Vân Tiên anh hỡi cố tri. Suối vàng có biết sư ni chặng là?" Tay lau nước mắt trở ra, Về nhà sắm sửa tìm qua Đông Thành. Võ Công hổ then trong mình, Năm ngày nhuốm bệnh thất tình chết oan(244) Thể Loan cùng mu Quỳnh Trang, Me con đóng cửa cư tang trong nhà.

Chú thích

- (50) Thứ đầu: lớp đầu, phần đầu.
- (51) Bình thuỷ tương phùng: bèo nước gặp nhau, tình cờ mà gặp.
- (52) Bằng hữu chi giao: tình bạn bè.
- (53) Thanh khâm: áo cổ xanh là áo của học trò thời xưa thường bận. Nợ thanh khâm, cũng như nói nợ bút nghiên.
- (54) Hai bảy: mười bốn

- (55) Hồ Việt nhứt gia: người Hồ (phía Bắc) kẻ Việt (phía Nam) chung một nhà.
- (56) Dồi: trau dồi son phấn.
- (57) Duyên cầm sắt: duyên vợ chồng hoà thuận êm ấm (như tiếng đàn sắt, đàn cầm hoà nhau).
- (58) Kẻ ở nước Tấn (phía Đông) người ở nước Tần (phía Tây), chỉ sự xa cách mỗi người một ngả.
- (59) Tức giai ngẫu (một đôi tốt đẹp), chỉ vợ chồng tốt đôi.
- (60) Dâu nam giản: Người con dâu trung hậu, đảm đang, lấy ý từ kinh Thi: "Hái rau tần từ bờ suối phía Nam", là thơ khen người vợ trẻ đảm đang lo việc nội trợ. Trai đồng sàng: chỉ chàng rể tốt.
- (61) Ngãi tế: con rể.
- (62) Đại khoa: là thi đỗ. Tiểu khoa: là cưới vợ.
- (63) Tót đời: hơn đời, hơn hết mọi người.
- (64) Trước: là trúc. Đây ý nói hai người kết bạn thân với nhau là rất tốt, như trúc, mai.
- (65) Bình thuỷ hữu duyên: bèo nước có duyên.
- (66) Giao kề: sánh ngồi gần kề bên nhau.
- (67) Kì: chỉ người tài giỏi khác thường.
- (68) Bạch Hàm Như Hoành: hai nhân vật nổi tiếng thơ v n, tài h oa trong truyện Bình Sơn Lãnh Yến.
- (69) Lương đống: rường cột, chỉ người có tài đức lớn giúp nổi việc nước.
- (70) én hộc: ý nói chim én không sánh được với chim hộc (Trực nói nhún)
- (71) Thượng trình: lên đường.
- (72) Tiểu nhi: con trẻ, tiếng cha mẹ gọi con. Lên đình: Sân có trồng lê.
- (73) Tống tình: tiễn nhau trong tình cảm.
- (74) Liễm dung: Nghiêm chỉnh dáng điệu để tỏ ý tôn trọng.

- (75) Phó công: đi thi lập công danh.
- (76) Nôn nao không yên, như mưa, như gió luôn xao động.
- (77) Chim phượng thiêng đậu đúng cây ngô đồng, ví người hiền tài được ở vị trí xứng đáng.
- (78) Cung quế xuyên dương: ví việc thi đỗ, công thành danh đạt.
- (79) Tào Khương: Tấm Cám, vợ chồng lấy nhau từ lúc còn nghèo hèn.
- (80) Nói lòng dạ đổi thay, tham mới bỏ cũ. Đó và đăng là hai dụng cụ đan bằng tre để bắt cá.
- (81) May thì gặp duyên, rủi thì gặp nợ, lẽ đó bày ra rành rành.
- (82) Để được làm quan to, Ngô Khởi đã giết vợ. Chu Mãi Thần vì nghèo nên vợ bỏ đi lấy chồng khác. Sau Mãi Thần làm đến chức thái thú.
- (83) Vầy đoàn: họp lại thành đoàn.
- (84) Sông đẹp núi lạ, nói cảnh đẹp.
- (85) Gặp thời, thoả lòng đua sức đua tài."
- (86) Tình hoài: tâm tình cảm xúc ở trong lòng.
- (87) Cửa Võ: Mỏm núi đá hình cái cửa có sóng dữ, tục truyền hàng năm vào tiết tháng ba, cá chép khắp nơi kéo về vượt Vũ môn, con nào nhảy qua được thì hoá rồng. Nhân đó, cửa Vũ chỉ trường thi, và thi đỗ gọi vượt qua Vũ môn.
- (88) Trực nói phen này mặc sức vẫy vùng.
- (89) Vân Tiên e ngại lần này không theo kịp chúng bạn.
- (90) Kinh địa: đất kinh đô.
- (91) Tác chừng: tuổi tác chừng vào khoảng.
- (92) Cho bề: cho nhiều, như nói bề bộn, bề bề.
- (93) Ướp ngâu: ướp hoa ngâu vàng rất thơm.
- (94) Trà ve: chè đựng trong chai, lọ nhỏ. Điểm tuyết: Lấm tấm màu tuyết, nói trà ngon. Cúc hương: hương hoa cúc.
- (95) Bĩ bàng: đầy đủ, tươm tất.
- (96) Viết tùng cổ thi: viết dựa dẫm theo thơ cũ có sẵn.

- (97) Bất tài đồ thơ: không có tài năng về sách vở, tức là nói người học tồi, sức học kém cỏi.
- (98) Tôn Tẩn là bạn học binh pháp với Bàng Quyên, sau bị Quyên hại, chặt hai chân, để gìm tài. Thầy học Quỷ Cốc Tử đã bảo trước cho Tôn Tẩn nhưng ông không đề phòng (không lừa, không lựa chọn).
- (99) Tuyền: trọn đủ cả. ý cả câu: ông có thông thuộc cả kinh sử hay không?
- (100) Hay ghét hay thương: biết ghét và biết thương.
- (101) Tầm phảo: vu vơ, hão huyền.
- (102) Kiệt Trụ: Vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương, cả hai đều bạo ngược, vô đạo, hoang dâm.
- 103 U Lệ: U vương và Lệ vương thời nhà Chu làm nhiều việc bạo ngược, vô đạo. Đa đoan: lắm chuyện rắc rối.
- 104 Ngũ bá: cuối đời nhà Chu, năm vua chư hầu kế tiếp nhau nổi lên làm chủ một thời, nhân dân phải lầm than điêu đứng. Phân vân: lộn xộn bối rối như cảnh loạn.
- 105 Đời thúc quý: đời suy loạn sắp bị diệt vong. Phân băng: chia lìa. Sớm đầu tối đánh: sớm đầu hàng, tối lại đánh.
- 106 Thánh nhân: chỉ Khổng Tử, không được dùng, từng đi khắp các nước Tống, Vệ, Trần, Khuông tìm cách hành đạo của mình mà không được. Về sau ông trở về nước Lỗ mở trường dạy học.
- 107 Nhan Tử: tức Nhan Uyên, học trò giỏi của Khổng Tử.
- 108 Gia Cát: tức Gia Cát Lượng, tự Khổng Minh, giúp Lưu Bị đánh bại Tào Tháo, dựng nước ở đất Thục, hết sức lo việc trung hưng nhà Hán, nhưng không thành.
- 109 Đồng Tử: tức Đổng Trọng Thư, danh nho đời Hán.
- 110 Nguyên Lượng: tức Đào Tiềm đời Tấn, tính tình cao thượng, không cầu danh lợi, giỏi thơ văn.
- 111 Hàn Dũ: đời Đường, tinh thông lục kinh, bách giachư tử, đỗ tiến sĩ làm quan ở triều. Vua mê tín đạo Phật, rước xương Phật vào cung,

ông dâng sớ cực lực ngăn cản. Vì thế ông bị đổi ra làm quan ở đất Triều Châu.

- 112 Liêm, Lạc: chỉ Chu Đôn Di ở Liêm Khê và hai anh em họ Trình ở Lạc Dương. Cả ba đều là những nhà triết học đời Tống, có ra làm quan nhưng không được đắc dụng, lại trở về dạy học.
- 113 Nói nhân tài ở chỗ nghèo hèn.
- 114 Kinh luân: tài sắp đặt tổ chức việc nước.
- 115 Nghiêu Thuấn: hai vua truyền thuyết được nhà nho coi là mẫu mực, đã theo được đạo trời mà trị dân.
- 116 Sào Phủ Hứa Do: Hai ẩn sĩ nổi tiếng đời Nghiêu.
- 117 Bá Di và Thúc Tề, hai người lấy việc nước mất làm xấu hổ, bỏ lên núi thú dương hái rau vi mà ăn, không chịu ăn thóc nhà Chu. Chăng khứng: không chịu.

Ai hầu chi ai: không ai chịu hầu hạ, phục dịch cho ai cả.

- 118 Hai đại công thần nhà Thương.
- 119 Thái Công: Khương Tử Nha, già hơn 70 tuổi vẫn ngồi câu cá ở bờ sông Vị. Chu Văn Vương nhân đi săn gặp ông, bèn đón ông về kinh, tôn làm thầy. Ông giúp Văn Vương và con là Vũ vương dựng nghiệp nhà Chu.
- 120 Nghiêm Lăng: ẩn sĩ đời vua Quang Vũ.
- 121 Cày mây câu nguyệt: cày trong mây, câu dưới trăng là nói cảnh thanh cao ẩn dật. áo cầu: áo cừu, áo may bằng da thú. Nghiêm Lăng ngồi lâu năm áo cừu đã rách nát.
- 122 Trần Đoàn: học rộng, tinh thông kinh Dịch, ẩn ở núi Vũ Dương, tu luyện đạo tiên.
- 123 Túi thơ ngâm phong vịnh nguyệt, coi công danh phú quý như giấc chiêm bao.
- 124 Bảy người đời Tấn, tính tình phóng đạt, thường họp nhau vui chơi nơi rừng Trúc (Trúc Lâm thất hiền).
- 125 Rừng nhu biển thánh: đạo nho dày như rừng, rộng như biển.
- 126 Khai phong: mở phong thư.

- Sự cơ: sự tình, nông nỗi.
- 127 Qui lai: trở về, quay về (vì mẹ chết)
- 128 Sách Văn Công: Sách qui định nghi lễ về tang ma cưới xin.
- 129 Chín chữ cù lao: công lao khó nhọc của cha mẹ nuôi dạy con.
- 130 Nhũ bộ: bú sữa, mớm cơm.
- 131 Thiên hương: hương trời, đây dùng chỉ tài n ng lỗi lạc của Vân Tiên.
- 132 Bạn tác: bạn cùng tuổi, cùng lứa.
- 133 Lòng còn lo ngại về đường xa nỗi gần chưa biết rồi sẽ ra sao.
- 134 Tị trần: tránh bụi, xa lánh cuộc đời loạn lạc mà đi ở ẩn.
- 135 Quày quã: vội quay phắt ngay đi.
- 136 Dưỡng dục: nuôi nấng, dạy dỗ. Sinh thành: sinh ra và gây dựng nên người.
- 137 Vân Tiên thấy mắt bỗng tối mù.
- 138 Hỏi phăn: hỏi lần cho ra manh mối.
- 139 Đầu thang: bốc thuốc.
- 140 Y học, Thọ thế, Đông y các bộ sách y học cổ truyền.
- 141 Ngân hải tinh vi: sách thuốc về cách chữa mắt.
- 142 Cang mục: sách nói về tính chất các vị thuốc. Thanh nang: chỉ sách chép các phương thuốc chưa hề truyền cho ai.
- 143 Sách tập hợp các phương thuốc hay đã được dùng.
- 144 Ngự Toản; Hồi xuân: các sách thuốc cổ.
- 145 Xuân thần: Vị chính vị phụ trong một thang thuốc đông y.
- 146 Nổ nan: nói thuốc sao khô cẩn thận.
- 147 Lư san: bài phú dạy phép xem mạch.
- 148 Lục quân, Tứ vật: tên hai thang thuốc căn bản chữa khí, huyết.
- 149 Thập toàn, Bát vị: hai bài thuốc bổ chữa bệnh tạng phủ suy.
- 150 Bát trận tân phương: sách thuốc do danh y Trương Giới Tân đời Minh soạn.

- 151 Khi bị cảm thường uống thang Ngũ sài.
- 152 Lục bộ: sáu bộ mạch.
- 153 Phù hồng: mạch nổi.
- 154 Kinh lạc: các đường truyền dẫn khí huyết trong thân người.
- 155 Mạng môn: huyệt ở giữa hai quả thận. Tướng hoả: dương khí (thận hoả).
- 156 Cơ thể tích nhiệt đã lâu, cần hạ nhiệt (giáng hoả). Tư âm: làm vượng âm lên.
- 157 Huỳnh liên, huỳnh bá, huỳnh cầm: ba vị thuốc chữa nóng.
- 158 Phải thêm gấp bội ba vị này vào, thì nóng ở tim mới bình thường trở lại.
- 159 Vạn linh: thuốc chữa mắt đau.
- 160 Hoàn tình: thuốc uống cho mắt thêm sáng ra.
- 161 Đòi cuộc đòi đàn: Đòi người bệnh phải đặt tiền cược trước.
- 162 Tiên sư: đây nói tiên sư nghề làm thuốc.
- 163 E khi đi đường, Vân Tiên có làm điều gì phạm đến quỉ thần nên bị quỉ thần phạt.
- 164 Cẫu: cầu xin giúp.
- 165 Châu Diệc; kinh dịch đời Chu. Sách có 64 quẻ, 384 hào. Thời xưa sách dùng vào việc bói toán.
- 166 Huỳnh kim, Dã hạc: hai sách nói về thuật bói toán.
- 167 Lục nhâm, Lục giáp: hai môn thuật số bói toán.
- 168 Can, chi: (trong khoa lí số).
- 169 Chiêm: bói. Lộ trình: nói việc đi đường.
- 170 Rùa thi: mai rùa, cỏ thi là hai thứ dùng để bói.
- 171 Giao, sách, trùng: cách bói dùng ba đồng tiền gieo sáu lần xuống đĩa.
- 172 Trang: trang quẻ. Lục xung: sáu hào trong quẻ xung khắc nhau.
- 173 Quẻ du hồn: quỉ nói việc hồn đi chơi vơ vẩn, ứng vào việc Vân Tiên bị long đong nơi đường xa đất khách.

- 174 Đời Vân Tiên bị xáo động, công danh trắc trở.
- 175 ấn: phù phép trừ tà của thầy pháp.
- 176 Phù chú: lá bùa và câu thần chú.
- 177 Hồ linh: bầu thiêng, có thể thu chứa cả trời đất.
- 178 Sái đậu thành binh: rảy hạt đậu mà hoá thành binh lính.
- 179 Đạo hoả: giẫm lên lửa. Phó thang: dấn mình vào nước sôi.
- 180 Mở đàng thiên hoang: mở đường trời đất.
- 181 Hề: hề đồng
- 182 Bàn Cổ: ông tổ của trời đất, vạn vật. Toạ tiền chứng miêng: trước bàn thờ chứng minh cho.
- 183 Tôn Ngộ Không.
- 184 Võ hậu: tên một vị thần thường đi lại trên đại dương.
- 185 Vị tướng đời Đường.
- 186 Bà tiên cai quản tiên nữ.
- 187 Công chúa Ngũ Long: năm công chúa của Long vương.
- 188 Bình nam ngũ hổ: năm tướng dũng mãnh đánh chiếm phương Nam. An dinh: đóng yên doanh trại.
- 189 Chỉ chung các vị thần ở trên trời, dưới âm phủ, và trong lòng sông ở Động Đình và Xích Lân.
- 190 Tráo chác: lừa dối, trở mặt.
- 191 Thon von: cô đơn sa sút gian nguy.
- 192 Khuyên giáo: đi xin của bố thí.
- 193 Cầu bắc qua rạch Lá Buôn (Biên Hoà).
- 194 Luông tuồng: tơi bời.
- 195 Hai rằm: hai ngày rằm, tức hai tháng.
- 196 Đất sụt trời sập, chỉ tai biến lớn.
- 197 Sơn quân: vua núi, chỉ con hổ.
- 198 Ràng ràng: rành rành.
- 199 Người tang: người bận áo tang.

LỤC VÂN TIÊN 53

- 200 Quảy đơm: cúng lễ.
- 201 Cô Bồng: con thuyền lẻ loi.
- 202 Sao mọc nhiều không theo hàng lối nào.
- 203 Vời: khoảng nước rộng, lòng sông.
- 204 Phôi pha: qua quýt cho xong chuyện.
- 205 Hối: giục. Vầy lửa: nhóm lửa.
- 206 Hẩm hút chỉ thứ gạo xấu, thức ăn người nghèo.
- 207 Trái mùi: trái chín nục.
- 208 Doi: dải đất ở cửa sông hay dọc sông.
- 209 Chích, đầm: ao hồ.
- 210 Cứu tử: cứu cho khỏi chết.
- 211 Chẳng đã: cực chẳng đã.
- 212 Ngũ Viên (Ngũ Tử Tư) một lần bị đuổi rất nguy, may được ông chài đưa thoát qua sông.
- 213 Hạng Võ lúc bị mấy ngàn kị binh Hán đuổi gấp tới sông Ô giang có ông đình trưởng mời qua sông (nhưng Hạng Võ từ chối, ở lại quyết chiến và tự sát).
- 214 Phồn: giống, thứ hạng.
- 215 Nhà cầu: nhà phụ làm lối đi thông nối hai nhà chính.
- 216 Gay: vặn quai chèo chặt vào cọc chèo.
- 217 Trớ trinh: trớ trêu.
- 218 Cheo: loài nai xạ hương.
- 219 Thổi lò: thổi lùa mạnh vào một nơi.
- Mưa tro: mưa bụi, mưa phùn
- 220 Du thần: thần đi xem xét chốn dân gian.
- 221 Trong tuyết đưa than: gặp trời giá tuyết đưa giúp người than sưởi.
- 222 Không hoà mùi chi: không 🗈 uống gì.
- 223 Bôn trình: lên đường.

- 224 Nhơn huynh: người anh tốt.
- 225 Hoàn: trở về. Am mây: chùa nhỏ hẻo lánh.
- 226 Tỉnh thân: thăm nom cha mẹ.
- 227 Cưỡng bức phụ nữ, bất chấp đạo nghĩa.
- 228 Xuân huyên: cha mẹ.
- 229 Để tang ba năm cũng chưa đủ báo đáp công sinh thành của cha mạ.
- 230 Hữu tam bất hiếu: ba điều bất hiếu.
- 231 Cam La: mưu sĩ thời Chiến quốc.
- 232 Khương Tử Nha (xem CT 119).
- 233 Bôn chôn: nôn vội.
- 234 Lừa dối.
- 235 Huỳnh tuyền: suối vàng.
- 236 Sắt cầm: tình duyên.
- 237 Thất gia: chỉ vợ chồng.
- 238 Nhắc lại chuyện làm thơ tỏ tình gắn bó.
- $239\,\mathrm{Hoàn}\,\mathrm{Công}\,\mathrm{sai}\,\mathrm{người}\,\mathrm{nói}\,\mathrm{với}\,\mathrm{vua}\,\mathrm{L}\tilde{\mathrm{o}}\,\mathrm{giết}\,\mathrm{Tử}\,\mathrm{Củ},\mathrm{chiếm}\,\mathrm{vợ}\,\mathrm{của}\,\mathrm{em}.$
- 240 Đường cung: cung vua Đường.
- 241 Bất Vi kén trong số vợ mình, một người tuyệt đẹp đã có mang, dâng cho Tử Sở làm vợ. Thái tử Sở lên làm vua, tức Trang Tương vương. Ba năm sau chết, con Sở (thực chất là con Bất Vi) lên ngôi Tần Vương (Tần Thủy Hoàng).
- 242 Tục truyền thơ trông bóng trăng mà chửa.

Nằng nằng: quyết một bề không đổi.

- 243 Điêu Thuyền dùng kế mĩ nhân quyến rũ Lã Bố và Đổng Trác, khiến Bố giết Trác.
- 244 Có điều trái với ý mình mà đâm ra uất ức phiền muộn.

Kiều Nguyệt Nga

Đoạn này đến thứ Nguyệt Nga, Hà Khê phủ ấy theo cha học hành. Kiều Công lên chức thái khanh, Chỉ sai ra huyện Đông Thành chặn dân.(245) Ra tờ khắp hết xa gần, Hỏi thăm ho Luc tìm lần đến nơi. Khiến quân đem bức thư mời, Lục ông vâng lệnh tới nơi dinh tiền. Kiều công hỏi chuyện Vân Tiên. Lục ông thấy hỏi bỗng liền khóc than. Thưa rằng: "Nghe tiếng đồn vang, Con tôi nhuốm bệnh giữa đàng bỏ thây. Biệt tin từ ấy nhẫn nay,(246) Phút nghe người hỏi dạ này xốn xang. Kiều công trong dạ bàng hoàng, Trở vào nói lại với nàng Nguyệt Nga: "Luc ông nói lai cùng cha, Duyên con rày đã trôi hoa giạt bèo. Riêng than chút phận tơ điều,(247) Hán Giang chưa gặp Ô Kiều lại rơi".(248) Nàng rằng: "Phải thiệt như lời, Xin cha sai kẻ mời người vào trong".

Nguyêt Nga đứng dưa bên phòng, Tay ôm bức tượng khóc ròng như mưa. Công rằng: "Nào bức tượng xưa, Nguyệt Nga con khá đem đưa người nhìn". Luc ông một buổi ngồi nhìn, Tay chân mặt mũi giống in con mình. Chuyện trò sau trước phân minh, Luc ông khi ấy sư tình mới hay: Thương con phận bạc lắm thay, Nguyễn xưa còn đó con rày đi đâu?" Nguyệt Nga chi xiết nỗi sầu, Luc ông thấy vây thêm đau gan vàng. Kiếm lời khuyên giải với nàng: "Giải cơn phiền não kẻo mang lấy sầu. Người đời như bóng phù du,(249) Sớm còn tối mất công phu lỡ làng,(250) Cũng chưa đồng tịch đồng sàng,(251) Cũng chưa nên nghĩa tào khương đâu mà. Cũng như cửa số ngựa qua, Nghĩ nào mà ủ mặt hoa cho phiền". Nàng rằng trước đã trọn nguyễn, Dẫu thay mái tóc phải nhìn mối tơ". Công rằng chút nặng tình xưa, Bèn đem tiền bạc tạ đưa cho người. Luc ông cáo tạ xin lui: "Tôi đâu dám chựu của người làm chi. Ngỡ là con trẻ mất đi, Hay đâu cốt cách còn ghi tương này. Bây giờ con lại thấy đây, Tấm lòng thương nhớ dễ khuây đặng nào. Ngửa trông đất rộng trời cao, Tre còn mặng mất lẽ nào cho cân". Lục ông từ tạ lui chân, Kiều Công sai kẻ gia thần đưa sang.

Nguyệt Nga nhuốm bệnh thở than, Nm canh luy ngọc xốn xang lòng vàng: "Nhớ khi thề thốt giữa đàng, Chưa nguôi nỗi thảm lại vương lấy sầu. Công đà chờ đợi bấy lâu, Thà không cho gặp buổi đầu thời thôi. Biết nhau chưa đặng mấy hồi, Kẻ còn người mất trời ôi là trời. Thề xưa tạc dạ ghi lời, Thương người quân tử biết đời nào phai. Tiếc thay một đứng anh tài, Việc văn việc võ nào ai dám bì. Thương vì đèn sách lòng ghi, Uổng công nào thấy tiếng gì là đâu. Thương vì hai tám tuổi đầu, Người đời như bóng phù du lõ làng. Thương vì chưa đặng hiển vang, Nước trôi sự nghiệp hoa tàn công danh. Thương vì đôi lứa chưa thành, Vùa hương bát nước ai dành ngày sau.(252) Năm canh chẳng ngớt giọt châu, Mặt nhìn bức tượng ruột đau như dần. Dương gian nay chẳng đặng gần, Âm cung biết có thành thân chặng là". Kiều công thức dây bước ra, Nghe con than khóc xót xa lòng vàng. Khuyên rằng: "Con chó cưu mang, Gẫm trong còn mất là đàng xưa nay. Đờn cầm ai nỡ dứt dây, Chẳng qua con tạo đổi xây không thường" Nàng rằng: "Khôn xiết nỗi thương, Khi không gãy cánh giữa đường chẳng hay. Nay đà loan phụng lẻ bầy, Niệm nghiêng gối chích phận này đã cam. Tr m n m thể chẳng lòng phảm,(253)

Sông Ngân đưa ban Cầu Lam rước người. Thân con còn đứng giữa trời, Xin thờ bức tương tron đời thời thôi". Kiều công trong dạ chẳng vui: "Con đành giữ tiết tron đời hay sao?" Có người sang cả ngôi cao, Thái sư chức trọng trong trào sắc phong. Nghe đồn con gái Kiều công, Nay mười sáu tuổi tơ hồng chưa vương. Thái sư dùng lễ vật sang, Mươn người mai chước kết đàng sui gia.(254) Kiều công khôn ép Nguyêt Nga, Lễ nghi đưa lai về nhà thái sư. Thái sư chẳng biết rộng suy, Đem điều oán hân sớm ghi vào lòng. Xảy đâu giặc mọi hành hung, Ô Qua quốc hiệu binh nhung dấy loàn.(255) Đánh vào tới ải Đồng Quan, Sở vương phán hỏi lưỡng ban quần thần: "Sao cho vững nước an dân, Các quan ai biết mưu thần bày ra?" Thái sư nhớ việc cừu nhà, Vôi vàng quỳ xuống tâu qua ngai vàng: "Thuở xưa giặc mọi dấy loàn, Vì ham sắc tốt phá tàn Trung Hoa. Muốn cho khỏi giặc Ô Qua, Đưa con gái tốt giao hoà thời xong. Nguyêt Nga là gái Kiều Công, Tuổi vừa hai tám má hồng đương xinh. Nàng đà có sắc khuynh thành, Lại thêm rất bực tài tình hào hoa. Đưa nàng về nước Ô Qua, Phiên vương ưng dạ chắc là bãi binh". Sở vương nghe tấu thuận tình,

Châu phê day sứ ra dinh Đông Thành. Sắc phong Kiều lão thái khanh: "Việc trong nhà nước đã đành cây ngươi, Nguyệt Nga nàng ấy nên người, Lựa ngày tháng chín hai mươi cống Hồ". Kiều công vâng lệnh nhà vua, Lẽ nào mà dám nói phô điều nào? Nguyệt Nga trong dạ như bào, Canh chầy chẳng ngủ những thao thức hoài. Thất tình trâm no biếng cài, Dưa mình bỏ xả tóc dài ngồi lo: "Chiêu Quân xưa cũng cống Hồ, Bởi người Diên Tho hoa đồ gây nên(256) Hạnh Ngươn xưa cũng chẳng yên, Bởi chưng Lư Kỉ cựu hiềm còn nghi.(257) Hai nàng chẳng đã phải đi, Một vì ngay chúa một vì thảo cha. Chiêu Quân nhảy xuống giang hà, Thương vua nhà Hớn nàng đà quyên sinh. Hanh Ngươn nhảy xuống Trì Linh, Thương người Lương Ngọc duyên lành phui pha. Tới nay phận bạc là ta, Nguyên cùng bức tương trót đà chung thân. Tình phu phụ nghĩa quân thần, Nghĩa xa cũng tron ơn gần cũng nên. Nghĩa tình nặng cả hai bên, Nêu ngay cùng chúa lại quên ơn chồng. Sao sao một thác thời xong,(258) Lấy mình báo chúa lấy mình sự phu". Kiều công thương gối đương lo, Nghe con than thở mấy câu thêm phiền. Kêu vào ngồi dựa trướng tiền, Lấy lời day dỗ cho tuyền thân danh:(259) "Chẳng qua là việc triều đình, Nào cha có muốn ép tình chi con".

Nàng rằng: "Con kể chi con, Bơ vơ chút phận mất còn quản bao. Thương cha tuổi hac đã cao, E khi ấm lanh buổi nào biết đâu. Tuổi già bóng xế nhành dâu, Sớm xem tối xét ai hầu cho cha?" Công rằng: "Chẳng sá việc nhà, Hãy an dạ trẻ mà qua nước người. Hôm nay đã tới mùng mười, Khá toan sắm sửa hai mươi tổng hành". Nàng rằng: "Việc ấy đã đành, Còn lo hai chữ ân tình chưa xong. Con xin sang lay Luc ông, Làm chay bảy bữa trọn cùng Vân Tiên. Ngõ cho ơn ngãi ven tuyền. Phòng sau xuống chốn huỳnh tuyền gặp nhau". Kiều công biết nghĩ trước sau, Day cho tiền bạc cấp hầu đưa đi. Luc ông ra rước một khi, Nguyêt Nga vào đặt lễ nghi sẵn sàng. Ngày lành giờ ngọ đăng đàn. ăn chay nằm đất cho chàng Vân Tiên. Mở ra bức tương treo lên, Trong nhà cho tới láng giềng đều thương. Nguyệt Nga cất tiếng khóc than: "Vân Tiên anh hỡi suối vàng có hay". Bảy ngày rồi việc ma chay, Lai đem tiền bac ta rày Luc ông: "Trông chồng mà chẳng thấy chồng, Đã đành một nỗi má hồng vô duyên. Rày vua gả thiếp về Phiên, Quyết lòng xuống chốn cửu tuyền thấy nhau. Chẳng chi cũng gọi là dâu, Muốn lo việc nước phải âu việc nhà.

Môt ngày một bước một xa, Của này để lại cho cha dưỡng già". Lay rồi nước mắt nhỏ sa, Ngùi ngùi lay tạ bước ra trở về. Các quan xe giá bộn bề, Năm mươi thể nữ hầu kề chân tay. Hai mươi nay đã đến ngày, Các quan bảo hộ đưa ngay xuống thuyền. Nguyệt Nga vội khiến Kim Liên, Lên mời thân phu xuống thuyền xem qua. Công rằng: "Thật dạ xót xa, Con đừng bịn rin cho cha thảm sâu". Nàng rằng non nước cao sâu, Từ đây xa cách con hầu thấy cha. Thân con về nước Ô Qua, Đã đành một nỗi làm ma đất người. Hai phương Nam Bắc cách vời, Chút xin gởi lai một lời làm khuây. Hiu hiu gió thổi ngọn cây, ấy là hồn trẻ về rày thăm cha". Kiều công luy ngọc nhỏ sa, Các quan ai nấy cũng là đều thương. Chẳng qua việc ở quân vương, Cho nên phụ tử hai đường xa xôi. Buồm trương thuyền vôi tách vời, Các quan đưa đón ngùi ngùi đứng trông. Mười ngày đã tới ải Đồng, Mênh mông biển rộng đùng đùng sóng xao. Đêm nay chẳng biết đêm nào, Bóng trăng vằng vặc bóng sao mờ mờ. Trên trời lặng lẽ như tờ, Nguyệt Nga nhỡ nỗi tóc tơ chẳng tròn. Than rằng no nước kìa non, Kiểng thời thấy đó người còn về đâu?" Quân hầu đều ngủ đã lâu,

Lén ra mở bức rèm châu một mình: "Vắng người có bóng trăng thanh, Trăm năm xin gởi chút tình lai đây. Vân Tiên anh hỡi có hay, Thiếp nguyền một tấm lòng ngay với chàng". Than rồi lấy tương vai mang, Nhắm dòng nước chảy vội vàng nhảy ngay. Kim Liên thức dây mới hay, Cùng quân thể nữ một bầy đều lo. Cùng nhau lăng chẳng dám hô, Thầm toan mưu kế chẳng cho lô tình: "Việc này là việc triều đình, Đốc quan hay đặng ắt mình thác oan. Muốn cho cẩn nhiệm trăm đàng, Kim Liên thế lấy làm nàng Nguyệt Nga. Trá hôn về nước Ô Qua, Ai mà vach lá ai mà tìm sâu?" Tính rồi xong xả chước mầu, Phút nghe thuyền đã đến đầu ải quan. Đốc quan xe giá sửa sang, Kiệu trương lọng phụng rước nàng về Phiên. Nào hay tì tất Kim Liên, Đăng làm hoàng hâu nước Phiên một đời. Nguyệt Nga nhảy xuống giữa vời, Sóng thần đưa đẩy vào nơi bãi rày. Bóng trăng vùa khuất ngọn cây, Nguyệt Nga hồn hãy chơi rày âm cung. Xiết bao sương tuyết đêm đông, Mình nằm giữa bãi lạnh lùng ai hay. Quan âm thương đấng thảo ngay, Bèn đem nàng lại bỏ rày vườn hoa. Dăn rằng: "Nàng hỗi Nguyêt Nga, Tìm nơi nương náu cho qua tháng ngày. Đôi ba năm nữa gần đây,

Vơ chồng sao cũng sum vầy một nơi". Nguyệt Nga giây phút tỉnh hơi, Đinh hồn mới nghĩ mấy lời chiệm bao. Nên hư chưa biết làm sao. Bây giờ biết kiếm chốn nào dung thân? Một mình luống những bâng khuâng, Phút đâu trời đã rạng hừng vùng đông. Một mình mang bức tương chồng, Xảy đâu lại gặp Bùi ông dạo vườn. Ông rằng: "Nàng ở hà phương, Việc chi mà tới trong vườn hoa ta?" Nàng rằng: "Trận gió hôm qua, Chìm thuyền đến nỗi mình ra thế này. Tối tăm sấy bước tới đây, Xin soi xét tới thơ ngây lạc đàng". Bùi ông đừng ngắm tướng nàng. Chẳng trang đài các cũng hàng trâm anh. Đầu đuôi han hỏi sư tình, Nàng bèn lời thiệt việc mình bày qua. Bùi ông mừng rước về nhà, Thay xiêm đổi áo nuôi mà làm con. Rằng: "Ta sanh đặng chồi non, Tên là Bùi Kiêm hãy còn ở kinh. Trong nhà không gái hậu sinh, Ngày nay đặng gặp minh linh phước trời". Nguyệt Nga ở đã yên nơi, Đêm đêm nghĩ lượng việc đời gần xa. Một lo về nước Ô Qua, E vua bắt tội cha già rất oan. Hai lo phân gái hồng nhan, Sợ khi bảo dưỡng mưu toan lẽ gì.(260) Nguyệt Nga luống những sầu bi, Xảy đâu Bùi Kiệm tới khi về nhà. Từ ngày thấy mặt Nguyệt Nga, Đêm đêm trần trọc phòng hoa mấy lần.

Thấy nàng thờ bức tương nhân, Nghiệm trong tình ý dần lân hỏi liền:(261) "Tượng này sao giống Vân Tiên. Bấy lâu thờ có linh thiêng điều gì?" Nàng rằng: "Làm phận nữ nhi, Một câu chánh tiết phải ghi vào lòng.(262) Trăm năm cho ven đạo tòng, Sống sao thác vậy một chồng mà thôi". Kiệm rằng: "Nàng nói sai rồi, Ai từng bán đắt mà ngồi chơ trưa. Làm người trong cõi gió mưa, Bảy mươi, mất mặt người xưa thấy nào? Chúa xuân còn ở vườn đào, Ong qua bướm lai biết bao nhiều lần! Chúa đông ra khỏi vườn xuân, Hoa tàn nhụy rữa như rừng bỏ hoang! ở đời ai cây giàu sang, Ba xuân mòn hết, ngàn vàng khôn mua.(263) Hay chi như vãi ở chùa, Một căn cửa khép bốn mùa lanh tanh? Linh đinh một chiếc thuyền tình, Mười hai bến nước biết mình vào đâu? Ai từng mặc áo không bâu,(264) ăn cơm không đũa ăn trậu không cau? Nàng sao chẳng nghĩ trước sau, Giữ ôm bức tượng bấy lâu thiệt mình". Nàng rằng: "Xưa học sử kinh, Làm thân con gái chữ trinh làm đầu. Chẳng phen thói nước Trịnh đâu,(265) Hen người tới giữa vườn dâu tự tình". Kiêm rằng: "Đã biết sử kinh, Sao không soi xét, để mình ngồi không? Hồ Dương xưa mới goá chồng, Còn mơ nhan sắc Tống công cũng vừa.(266)

Ha Cơ lớn nhỏ đều ưa. Sớm đưa Doãn, Phủ tối ngừa Trần Quân.(267) Hớn xưa Lữ Hâu thanh xuân, Còn vừa Cao Tổ mới đành Di Ki.(268) Đường xưa Võ Hậu thiệt gì, Di Tôn khi trẻ Tam Tư lúc già.(269) Cứ trong sách vở nói ra, Một đời sung sướng cũng qua một đời! Ai ai cũng ở trong trời Chính chuyên, chắc nết, chết thời cũng ma.(270) Người ta chẳng lấy người ta, Người ta đâu lấy những là tượng nhân? Cho nên tiếc phân hồng nhan, Học đời Như ý vẽ chàng Văn Quân".(271) Nguyệt Nga biết đức tiểu nhân, Làm thinh toan chước thoát thân cho rồi. Bùi ông ngon ngọt trau đổi, Muốn nàng cho đặng sánh đôi con mình: "Làm người chấp nhứt sao đành,(272) Hễ là lịch sư có kinh có quyền.(273) Tới đây duyên đã bén duyên, Trăng thanh gió mát cắm thuyền đợi ai? Nhớ câu xuân bất tái lai. Ngày nay hoa nở e mai hoa tàn. Làm chi thiệt phận hồng nhan, Năm canh gối phụng màn loan lạnh lùng? Vọng Phu xưa cũng trông chồng, Ngày xanh mòn mỏi má hồng phui pha. Thôi thôi khuyên chớ thở ra, Vầy cùng con lão một nhà cho xuối".(274) Nguyệt Nga giả dạng mừng vui, Thưa rằng: "Người có công nuôi bấy chấy. Tôi xin dám gởi lòng này, Hãy tua chậm chậm sẽ vây nhơn duyên.(275) Tôi xin lạy tạ Vân Tiên,

Chay đàn bảy bữa cho tuyền thỉ chung". Cha con thấy nói mừng lòng, Don nhà sửa chỗ đông phòng cho xuê. Chiếu hoa gối sạch bộn bề, Cỗ đồ bát bửu chỉnh tề chưng ra.(276) Xảy vừa tới lúc canh ba, Nguyêt Nga lấy bút đề và câu thơ. Dán trên vách phấn một tờ, Vai mang bức tượng một giờ ra đi. Hai bên bờ bui râm rì, Đêm khuay vắng vẻ gặp khi trăng lờ. La chừng đường sá bơ vơ, Có bầy đom đóm sáng nhờ đi theo. Qua truông rồi lại lên đèo, Dế kêu dắng đỏi sương gieo lanh lùng. Giày sành, đạp sỏi thẳng xông,(277) Vừa may trời đã vừng đông lố đầu. Nguyệt Nga đi đặng hồi lâu, Tìm nơi bàn thạch ngõ hầu nghỉ chân. Người ngay trời phật cũng vâng, Lão bà chồng gây trong rừng bước ra. Hỏi rằng: "Nàng phải Nguyêt Nga, Khá tua gắng gượng về nhà cùng ta.(278) Khi khuya nằm thấy Phật bà, Người đà mách bảo nên già tới đây". Nguyệt Nga bán tín bán nghi, Đành liều nhắm mắt theo đi về nhà. Bước vào thấy những đàn bà, Làm nghề bô vải lụa là mà thôi. Nguyệt Nga đành dạ ở rồi, Từ đây mới biết nổi trôi chốn nào. Hỏi thăm ra chốn Ô Sào. Quan san mấy dăm đi vào tới nơi.(279)

Chú thích

- 245 Chăn dân: trị dân, cho dân yên ổn làm ăn.
- 246 Nhẫn nay: đến nay, tới bây giờ.
- 247 Tơ điều: tơ đỏ xe duyên.
- 248 Nguyệt Nga chưa nên nghĩa vợ chồng với Vân Tiên, cũng như Chức nữ, Ngưu lang chưa kịp gặp nhau trên sông Ngân mà nhịp cầu Ô đã rơi mất, không bao giờ gặp lại được nữa.
- 249 Phù du: con vờ.
- 250 Công phu lỡ làng: bỏ sức ra làm dang dở.
- 251 Đồng tịch đồng sàng: cùng giường cùng chiếu.
- 252 Vùa hương bát nước: bát hương và chén nước thờ.
- 253 Vừa đưa chồng về lại bên kia sông Ngân, thì đã lại đến Cầu Lam rước người tình khác. ý nói mất chồng này tìm chồng khác.
- 254 Mai chước: người làm mối.
- 255 Ô Qua: tên ngầm chỉ giặc Qua Oa ở bể vào cướp phá miền Châu Đốc, Hà Tiên.
- 256 Chiêu Quân thời Hán Nguyên đế bị tuyển làm cung nữ. Nàng không chịu đút lót cho Mao Diên Thọ nên bị y vẽ xấu đi, vua không vời đến. Về sau bị chọn tiến vua Hung Nô.
- 257 Hạnh Ngươn: Nhân vật truyện Nhị Độ Mai.
- 258 Sao sao: dù thế nào đi nữa.
- 259 Thân danh: thân mình và danh dự.
- 260 E rằng người che chở và nuôi nấng mình có mưu toan gì?
- 261 Dần lân: lân la dần dần.
- 262 Chánh tiết: trinh tiết, ngay thẳng.
- 263 Ba xuân: ba tháng xuân, tuổi xuân.
- 264 Bâu: cổ áo.
- 265 Chẳng phen: chẳng bắt chước. Thói nước Trịnh: thói tà dâm như trai gái nước Trịnh trèo tường đón ngõ rủ rê nhau ra nơi đồng nội để thoả lòng dục.

- 266 Công chúa Hồ Dương chồng chết, phải lòng Tống Hoằng.
- 267 Hạ Cơ: Con gái Trịnh Mục Công, xinh đẹp, lẳng lơ, có chồng mà vẫn một lúc ngoại tình với nhiều người.
- 268 Lữ Hậu: vợ Hán Cao Tổ mất, Lữ Hậu tư thông với Dị Ki (Thẩm Tự Cơ) cho Tự Cơ làm tả thừa tướng để tiện bề chung chạ.
- 269 Võ Hậu thông tình với hai anh em Trương Xương Tông và Trương Dịch Chi. (Tức Di Tôn, Tam Tư).
- 270 Chính chuyên: một bề tiết hạnh. Trắc nết: mất nết.
- 271 Nàng Như ý sau khi cứu V n Quân thoát nạn, đem lòng yêu chàng, vẽ hình chàng. Sau hai người lấy nhau (tuồng cổ).
- 272 Chấp nhứt: câu nệ về một lẽ.
- 273 Hễ là người trải đời thì phải biết cả chấp kinh (tuân thủ nguyên tắc) lẫn tòng quyền (vượt ngoài nguyên tắc).
- 274 Vầy: sum họp.
- 275 Tua: nên phải.
- 276 Gối sách: gối gấp nhiều lớp, có thể chồng lên nhau mà ngồi dựa.
- Bát bửu: tám vật quý là gươm, giáo, búa... bằng đồng hay bạc để bày cho thêm sang trọng.
- 277 Giầy xéo lên sành, đạp lên sỏi.
- 278 Khá tua: phải nên.
- 279 Nguyệt Nga đã trôi giạt tới chốn cửa ải và núi non, xa xôi cách trở.

Vân Tiên - Nguyệt Nga

Đoạn này tới thứ ra đời, (280) Vân Tiên thuở ấy ở nơi chùa chiền. Nửa đêm nằm thấy ông tiên, Đem cho chén thuốc mắt liền sáng ra. Kẽ từ nhuốm bệnh đường xa, Tháng ngày thấm thoát kể đà sáu năm. Tuổi cha rày đã năm lăm, Chanh lòng nhớ tới đầm đầm luy sa. Vân Tiên tính trở lai nhà, Hớn Minh đưa khỏi năm ba dăm đường. Tiên rằng: "Ta lại hồi hương, On nhau sau gặp khoa trường sẽ hay". Minh rằng: "Tôi vốn chẳng may, Ngày xưa mắc phải án đày trốn đi. Dám đâu bày mặt ra thi, Đã đành hai chữ quy y chùa này". (281) Tiên rằng: "Phước gặp khoa này, Sao sao cũng tính sum vầy cùng nhau. Mấy năm hẩm hút tương rau, (282) Khó nghèo nỡ phụ sang giàu đâu quên. Lúc hư còn có lúc nên, Khuyên người chử dạ cho bền thảo ngay".

Hớn Minh trở lai am mây, Vân Tiên về một tháng chầy tới nơi. Luc ông nước mắt tuôn rơi, Ai dè con sống trên đời thấy cha! Xóm giềng cô bác gần xa, Đều mừng chay tới chât nhà hỏi thăm. Ông rằng : "Kể đã mấy năm, Con mang bệnh tất ăn nằm nơi nao ?" Thưa rằng: "Hoan nan xiết bao, Me tôi phần mô nơi nào viếng an ". Đặt bày lễ vật nghiêm trang, Đọc bài văn tế trước bàn minh sinh : (283) "Suối vàng hồn me có linh, Chứng cho con trẻ lòng thành ngày nay. Tưởng bền nguồn nước côi cây, (284) Công cao ngàn trượng ngãi dày chín trăng. (285) Suy trang nằm giá, khóc mặng, (286) Hai mươi bốn thảo chẳng bằng người xưa". (287) Vân Tiên nước mắt như mưa. Tế rồi hỏi việc khi xưa ở nhà. Ông rằng: "Có nàng Nguyệt Nga, Bac tiền đem giúp cửa nhà mới xuê. Nhờ nàng nên mới ra bề, (288) Chẳng thì khó đói bỏ quê đi rồi". Vân Tiên nghe nói hỡi ôi, Chạnh lòng nghĩ lại một hồi giây lâu. Hỏi rằng: "Nàng ấy ở đâu, Đăng con đến đó đáp câu ân tình". Lục ông thuật việc triều đình, Đầu đuôi chuyện vãn tỏ tình cùng Tiên: "Kiều công rày ở Tây Xuyên, Cũng vì mắc ninh biếm quyền đuổi ra". (289) Tiên rằng: "Cám nghĩa Nguyệt Nga Tôi xin qua đó thăm cha nàng cùng.

Tây Xuyên ngàn dăm thẳng xông, Đến nơi ra mắt, Kiều công khóc liền: "Nguyêt Nga rày ở nước Phiên, Biết sao cho đặng đoàn viên cùng chàng? Mấy thu Hồ Việt đôi phang, (290) Cũng vì máy tạo én nhàn rẽ nhau. Thấy chàng dạ lại thêm đau, Đất trời bao nỡ chia bâu cho đành. (291) Hep hòi đăng chút nữ sanh. Trông cho chồi quế trổ nhành mẫu đơn". (292) Nói rồi luy nhỏ đòi cơn: "Cũng vì một sự oán hờn nên gây. Thôi con ở lai bên này, Hôm mai thấy mặt cho khuây lòng già". Vân Tiên từ ấy lân la, Ôn nhuần kinh sử chờ khoa ứng kì, Năm sau lênh mở khoa thi, Vân Tiên vào ta xin đi tưu trường. Trở về thưa với xuân đường, Kinh sư ngàn dăm một đường thẳng ra. (293) Vân Tiên dự trúng khôi khoa, (294) Đương trong nhâm tí thiệt là năm nay. Nhớ lời thầy nói thật hay, Bắc phương gặp chuột hẳn rày nên danh. Vân Tiên vào ta triều đình, Lênh ban y mão hiển vinh về nhà. Xảy nghe tin giặc Ô Qua, Phủ vây quan ải, quân ba bốn ngàn. Sở vương phán trước ngai vàng: Chỉ sai quốc trang dep loàn bầy ong. (295) Trạng nguyên tâu trước bệ rồng: "Xin dâng một tướng anh hùng để binh. (296) Có người họ Hớn tên Minh, Sức đương Hạng Võ mạnh kình Trương Phi. Ngày xưa mắc án trốn đi,

Phải về nương náu từ bi ẩn mình". Sở vương phán trước triều đình, Chỉ sai tha tôi Hớn Minh đòi về. Sắc phong phó tướng bình di, (297) Tiên Minh tương hội xiết gì mùng vui. (298) Nhất thanh phần phát oai lôi, (299) Tiên phong hậu tập trống hồi tấn binh. (300) Quan son ngàn dặm đăng trình, Lãnh cờ bình tặc phá thành Ô Qua. (301) Làm trai on nước no nhà, Thảo cha, ngay chúa, mới là tài danh. Phút đầu binh đáo quan thành, (302) Ô Qua xem thấy, xuất hành cư đang. (303) Tướng Phiên hai gã đường đường, Môt chàng Hoả Hổ một chàng Thần Long. Lại thêm Cốt Đột nguyên nhung, Mắt hùm râu đỏ tướng hung la lùng. Hớn Minh ra sức tiên phong, Đánh cùng Hoả Hổ Thần Long một hồi. Hớn Minh chùy giáng dường lôi, (304) Hai chàng đều bị một hồi mạng vong. Nguyên nhung Cốt Đột nổi xung, Hai tay xách búa đánh cùng Hớn Minh. Hớn Minh sức chẳng dám kình, Thấy chàng hoá phép thoát mình trở lui. Vân Tiên đầu đôi kim khôi, Tay cầm siêu bạc mình ngồi ngựa ô. (305) Môt mình lướt trân xông vô, Thấy người Cốt Đột biển hô yêu tà. Vội vàng trở ngựa lui ra, Truyền đem máu chó đều thoa ngọn cờ. Ba quân gươm giáo đều dơ, Yêu ma xem thấy một giờ võ tan. Phép tà Cốt Đôt hết phương,

Phùng phùng nổi giân đánh chàng Vân Tiên. Trung, tiền, tả, hữu, lưỡng biên, Trang nguyên - Cốt Đôt đánh liên tối ngày. Sa cơ Cốt Đột chạy ngay, Vân Tiên giục ngựa kíp rày đuổi theo. Đuổi qua mới đăng bảy đèo, Khá thương Cốt Đột vận nghèo nài bao. (306) Chạy ngang qua núi Ô Sào, Phút đâu con ngựa sao hào thương ôi. Vân Tiên chém Cốt Đôt rồi, Đầu treo cổ ngưa phản hồi bổn quân. Ôi thôi bốn phía đều rừng, Trời đà tối mit lac chừng gần xa. Một mình lac nẻo vào ra, Lần theo đường núi phút đà tam canh. (307) Môt mình trong chốn non xanh, Không ai mà hỏi lô trình trở ra. Đoan này tới thứ Nguyêt Nga, ở đây tính đã hơn ba năm rồi. Đêm khuya trong ngon đèn ngồi, Chẳng hay trong dạ bồi hồi việc chi: "Quân âm thuở trước nói chi, éo le phỉnh thiếp lòng ghi nhớ hoài. Đã đành đá nát vàng phai, Đã đành xuống chốn dạ đài gặp nhau. Không trông mồng bảy đêm thu, Không trông bầy qua đội cầu đưa sao. (308) Phải chi hỏi đăng Nam Tào, Đêm nay cho đến đêm nào gặp nhau?" Nguyệt Nga gượng giải cơn sầu, Xảy nghe lạc ngựa ở đâu tới nhà. Kêu rằng: "Ai ở trong nhà, Đường về quan ải chỉ ra cho cùng". Nguyệt Nga ngồi sợ hãi hùng, Vân Tiên xuống ngựa thẳng xông bước vào.

Lão bà lât đât hỏi chào: "ở đâu mà tới rừng cao một mình ?" Vân Tiên mới nói sư tình: "Tôi là quốc trang trào đình sai ra. Đem binh dep giặc Ô Qua, Lac đường đến hỏi thăm nhà bà đây". Lão bà nghe nói sơ thay: "Xin ông chớ chấp tôi nay mu già ". Vân Tiên ngồi ngắm Nguyệt Nga, Lai xem bức tương lòng đà sinh nghi. Hỏi rằng: "Bức ấy tượng chi, Khen ai khéo vẽ dung nghi giống mình. Đầu đuôi chưa rõ sư tình, Lão bà khá nói tánh danh cho tường ". Lão bà chẳng dám lời gian: "Tượng này vốn thiệt chồng nàng ngồi đây". Tiên rằng: "Nàng xách lai đây, Nói trong tên họ tượng này ta nghe". Nguyệt Nga lòng rất kiêng dè, Mặt thời giống mặt, còn e la người. Ngồi che tay áo hổ ngươi, Vân Tiên thấy vây mim cười một khi. Rằng: "Sao nàng chẳng nói đi, Hay là ta hỏi động chi chăng là ?" Nguyệt Nga khép nép thưa qua: "Người trong bức tượng tên là Vân Tiên. Chàng đàng về chốn cửu tuyên, Thiếp lăm tron đao, lánh miền gió trăng". Vân Tiên nghe nói hỏi phăn: "Chồng là tên ấy vợ rằng tên chi?" Nàng bèn tỏ thiệt một khi, Vân Tiên vôi vã xuống quì vòng tay. Thưa rằng: "May gặp nhau đây, Xin đền ba lay sẽ bày nguồn cơn.

Để lời thê hải minh sơn. (309) Mang on trước phải đền on cho rồi. Vân Tiên vốn thiệt là tôi, Gặp nhau nay đã phỉ rồi ước mơ". Nguyệt Nga bảng lảng bơ lơ, (310) Nửa tin rằng bạn, nửa ngờ rằng ai. Thưa rằng: "Đã thiệt tên ngài, Khúc nôi xin cứ đầu bài phân qua". (311) Vân Tiên dẫn tích xưa ra, Nguyêt Nga khi ấy khóc oà như mưa. Ân tình càng kể càng ưa, Mảng còn bịn rin trời vừa sáng ngay. Xa nghe quân ó vang dầy, Bốn bề rừng bụi khắp bày can qua. Vân Tiên lên ngựa trở ra, Thấy cờ đề chữ hiệu là Hớn Minh. Hớn Minh khi ấy dùng binh, Anh em mừng rõ tỏ tình cùng nhau. Minh rằng: "Tẩu tẩu ở đâu, (312) Cho em ra mắt chi dâu thế nào". Vân Tiên đem Hớn Minh vào, Nguyệt Nga đứng dậy miệng chào có duyên. Minh rằng: "Tưởng chi ở Phiên, Quyết đem binh mã sang miền Ô Qua. May đâu sum hiệp một nhà, Giặc đà an giặc khải ca hồi trào". Tiên rằng: "Nàng tính thế nào?" Nàng rằng: "Anh hãy về trào tâu lên. Ngỏ nhờ lương cả bề trên, Linh tha tôi trước mới nên về nhà ". Tiên, Minh trở ngưa đều ra, Đem binh trở lai triều ca đề huề. (313) Sở vương nghe trạng nguyên về, Sai quan tiếp rước vào kề bên ngai. Sở vương bước xuống kim ngai,

Tay bưng chén rươu thưởng tài trang nguyên. Phán rằng: "Trẫm sợ nước Phiên, Có người Cốt Đột phép tiên lạ lùng. Nay đà trừ Cốt Đột xong, Thiết trời sanh trạng giúp trong nước nhà. Phải chi trước có trang ra, Làm chi nên nỗi Nguyệt Nga cống Hồ ". Lênh truyền mở yến triều đô, Rày mừng trừ đăng giặc Ô Qua rồi. Trang nguyên quì tấu một hồi, Nguyêt Nga các việc khúc nôi rõ ràng. Sở vương nghe tấu ngỡ ngàng. Phán rằng: "Trẫm tưởng rằng nàng ở Phiên Chẳng ngờ nàng với trang nguyên, Cùng nhau trước có nhân duyên thuở đầu ". Thái sư trước bệ quì tâu : "Ô Qua dấy đông qua mâu cũng vì, (314) Trá hôn oán ấy nên gây, Nguyệt Nga nàng thiệt tội thì khi quân" Trang nguyên mặt đỏ phùng phùng, Bèn đem bức tượng quì dâng làm bằng. Sở vương xem tương phán rằng: "Nguyệt Nga trinh tiết ví bằng người xưa. Thái sư trước chẳng lo lừa, Thiếu chi dân thứ phải đưa tới nàng? Dầu cho nhựt nguyệt rõ ràng. Không soi chậu úp cũng mang tiếng đời. (315) Ngay gian sao cũng có trời, Việc này vì trẫm nghe lời nên oan ". Trạng nguyên tâu trước triều đàng : "Thái sư trữ dưỡng tôi gian trong nhà. Trình Hâm là đứa gian tà, Hại tôi buổi trước cũng đà ghe phen ". (316) Sở vương phán trước bê tiến:

"Những ngờ tướng ngỏ tôi hiền mà thôi. (317) Vậy cũng đạo chúa ngãi tôi, Thái sư ý muốn cướp ngôi chín trùng. (318) Hớn xưa có gã Đổng công, (319) Nuôi thằng Lữ Bố cướp dòng họ Lưu. Đời xưa tôi ninh biết bao, Thái sư nay có khác nào người xưa? Thấy người trung chánh chẳng ưa, Rắp tâm kế độc lập lừa mưu sâu. Trinh Hâm tôi đáng chém đầu, ấy là mới hết người sau gian tà ". Sở vương phán trước triều ca: "Thái sự cách chức về nhà làm dân. Trınh Hâm là đứa bao thần, Giao cho quốc trạng xử phân pháp hình. Nguyêt Nga là gái tiết trinh, Sắc phong quận chúa hiển vinh rỡ ràng. Kiều công xưa mắc tôi oan, Trẫm cho phục chức làm quan Đông Thành. Trạng nguyên dep giặc đã bình, Kiêu vàng tán bac hiển vinh về nhà ". Bãi chầu chư tướng trở ra, Trang nguyên mời hết đều qua dinh ngồi. Ho Vương ho Hớn ho Bùi, Cùng nhau uống rươu đều vui đều cười. Trang nguyên mới hỏi một lời: "Trịnh Hâm tội ấy các người tính sao ?" Truyền quân dẫn Trinh Hâm vào, Mặt nhìn khắp hết miệng chào các anh. Minh rằng: "Ai mươn kêu anh, Trước đà đem thói chẳng lành thời thôi. Kéo ra chém quách cho rồi, Để chi gai mắt đứng ngồi căm gan ". Trực rằng: "Minh nóng nói ngang, Giết ruồi ai dụng gươm vàng làm chi

Xưa nay mấy đứa vô nghì, Dẫu cho có sống, làm gì nên thân ?" Hâm rằng: "Nhờ lương cố nhân, Vốn em mới dại một lần xin dung ". Trang rằng: "Hễ đứng anh hùng, Nào ai có giết đứa cùng làm chi. Thôi thôi ta cũng rộng suy, Truyền quân mở trói đuổi đi cho rồi ". Trınh Hâm khỏi giết rất vui, Vôi vàng cúi lay chân lui ra về. Còn người Bùi Kiêm máu dê, Ngồi chai bề mặt như sề thự trâu. Hớn Minh - Tử Trưc vào tâu, Xin đưa quốc trạng kíp chầu vinh qui. Môt người Bùi Kiệm chẳng đi, Trong lòng hổ then cũng vì máu dê. Trang nguyên xe giá chỉnh tề, Sai quân hộ vệ rước về Nguyệt Nga. Bạc vàng đem tạ lão bà, Nguyêt Nga từ ta thẳng qua Đông Thành. Võng điều gươm bạc lọng xanh, Trang nguyên Tử Trưc Hớn Minh lên đàng, Trınh Hâm về tới Hàn Giang, Sóng thần nổi dây thuyền chàng chìm ngay. Trinh Hâm bi cá nuốt rày, Thiệt trời báo ứng lẽ này rất ưng. Thấy vầy nên dửng dừng dưng, (320) Làm người ai nấy thì đừng bất nhân. Tiểu đồng trước giữ mộ phần, Ngày qua tháng lại đã gần ba năm. Của đi khuyên giáo mấy năm. Tính đem hài cốt về thăm quê nhà. Hiềm chưa thuê đặng người ta, Còn đương thơ thẩn vào ra Đại Đề.

Trang nguyên khi ấy đi về, Truyền quân bày tiệc lo bề tế riêng: "Tiểu đồng hồn bâu có thiêng, Thoả tình thầy tớ lòng thiềng ngày nay". Đọc văn nhớ tới chau mày, Đôi hàng lụy ngọc tuôn ngay ròng ròng. Người ngay trời phật động lòng, Phút đâu ngó thấy tiểu đồng đến coi. Trạng nguyên còn hãy sụt sùi, Ngó lên bài vi lai xui lòng phiền. (321) Tiểu đồng nhắm ngửa nhìn nghiêng: "Ông này sao giống Vân Tiên cũng kì? Ông nào mất xuống âm ti, Ông nào còn sống nay thì làm quan ?" Trạng nguyên khi ấy hỏi chàng: "Phải người đồng tử mắc màn chốn ni?" Mấy năm tớ mới gặp thầy, Cùng nhau kể nỗi đắng cay từ ngằn (322) Ai dè còn thấy bổn quan, (323) Ba năm gìn giữ mồ hoang đã rồi. Trạng nguyên khi ấy mừng vui, Tớ thầy sum họp tại nơi Đại Đề. Đoan thôi xe giá ra về, Tuần dư phút đã gần kề Hàn Giang. (324) Võ công từ xuống suối vàng, Thể Loan cùng mụ Quỳnh Trang đeo sầu. Me con những mảng lo âu; "Nghe Vân Tiên sống gặp chầu công danh. Cùng ta xưa có ân tình, Phải ra đón rước lô trình hoa may". Loan rằng: "Mình ở chẳng hay, E người còn nhớ những ngày trong hang". Trang rằng: "Con có hồng nhan, Cho chàng thấy mặt thời chàng ắt ưa. Dầu chàng còn nhớ tích xưa,

Me con ta lai đổ thừa Võ công". Cùng nhau bàn luận đã xong, Soi gương đánh phấn ra phòng rước duyên . (325) Nay đà tới thứ trạng nguyên, Hàn Giang đã tới bỗng liền đóng quân. Bạc vàng châu báu áo quần, Trạng nguyên đem tạ đáp ân ngư tiều. Ngư tiều nay đặng danh biêu, (326) On ra một buổi của nhiều trăm xe. Trang nguyên chưa kip trở về, Thấy Quỳnh Trang đã đứng kề trong quân. Trang rằng: "Tưởng chữ hôn nhân, Me con tôi đến lễ mừng trang nguyên. Võ công đã xuống huỳnh tuyền, Xin thương lấy chút thuyền quyên phân này". Trạng rằng: "Bưng bát nước đầy, Đổ ngay xuống đất hốt rày sao xong? Oan gia nợ ấy trả xong, Thiếu chi nên nỗi mà mong tới đòi". (327) Hớn Minh Tử Trưc đứng coi, Cười rằng: "Hoa khéo làm mồi trêu ong. Khen cho lòng chẳng then lòng, Còn mang mặt đến đèo bòng nỗi chi? Ca ca sao chẳng chịu đi, (328) Về cho tẩu tẩu, để khi xách giày ?" Me con đứng then thùng thay, Vội vàng cúi lạy, chân rày trở ra. Trở về chưa kịp tới nhà, Thấy hai con cọp nhảy ra đón đàng. Thảy đều bắt mẹ con nàng, Đem vào lại bỏ trong hang Thương Tòng. Bốn bề đá lấp bư bùng, Me con than khóc không trông ra rồi. Trời kia quả báo mây hồi,

Tiếc công son điểm phần dồi bấy lâu.

Làm người cho biết nghĩa sâu,

Gặp cơn hoạn nạn cùng nhau cho tròn.

Chớ đừng theo thói mẹ con,

Thác đà mất kiếp tiếng còn bia danh.

Trạng nguyên về tới Đông Thành,

Lục ông trước đã xây dinh ở làng.

Bày ra sáu lễ sẵn sàng, (329)

Các quan đi họ cưới nàng Nguyệt Nga.

Sui gia đã xứng sui gia,

Rày mừng hai họ một nhà thành thân.

Trăm năm biết mấy tinh thần,

Sinh con sau nối gót lân đời đời. (330)

Chú thích

280 Ra đời: ra hoạt động, giúp đời.

281 Quy y: đi tu.

282 Hấm hút tương rau: cảnh nghèo.

283 Minh sinh: mảnh lụa, vải hay giấy dài ghi tên họ, chức tước người chết để cúng.

284 Người ta có tổ tiên cha mẹ như nước có nguồn cây có gốc.

285 Chín trăng: chín tháng (mẹ mang thai con chín tháng).

286 Nằm giá: Nằm trên băng giá. Sổ Liêu xưa nằm trên băng để băng tan, bắt được cá chép về cho mẹ ăn chữa bệnh.

Khóc mặng: Mạnh Tông thương mẹ vốn thích ăn mặng. Mùa đông ông vào rừng kiếm mặng không được, ôm trúc mà khóc, tự nhiên mặng mọc.

287 Nhị thập tứ hiếu: 24 gương hiếu xưa.

288 Ra bề: ra bề thế.

289 Biếm quyền: giáng chức quan.

- 290 Hồ phương Bắc, Việt phương Nam.
- 291 Chia Bâu: chia li.
- 292 Kiều công mong cho Nguyệt Nga sẽ thành gia thất và sinh được con hay.
- 293 Kinh sư: kinh đô.
- 294 Khôi khoa: đỗ đầu (trạng nguyên).
- 295 Chỉ: lệnh vua. Quốc trạng: trạng nguyên của cả nước. Dẹp loàn: dẹp loạn.
- 296 Đề binh: đem binh đi đánh giặc.
- 297 Binh di: dep giặc.
- 298 Tương hội: cùng hội họp với nhau.
- 299 Một tiếng truyền lệnh, oai hùng như sấm làm phấn khởi mọi người.
- 300 Tiên phong: quân xông trận mặt trước.
- Hậu tập: quân đánh bọc mặt sau.
- 301 Bình tặc: dẹp yên giặc.
- 302 Binh đáo quan thành: quân đến trước cửa thành.
- 303 Ra quân, chống trả.
- 304 Dường lôi: như sấm sét đánh.
- 305 Siêu: binh khí có lưỡi dài. Ngựa ô: ngựa lông đen.
- 306 Không quản hiểm nghèo.
- 307 Tam canh: canh ba
- 308 Nguyệt Nga không mong gặp được Vân Tiên như Chức nữ gặp Ngưu lang.
- 309 Thề bể hẹn non, bền chặt.
- 310 Bảng lảng bơ lơ: kinh ngạc ngẩn người.
- 311 Khúc nôi: nỗi niềm, sự tình.
- 312 Tẩu tẩu: chị dâu.
- 313 Triều ca: buổi thiết triều.

- Đề huề: dắt tay nhau cùng đi.
- 314 Qua mâu: binh khí thời xưa.
- 315 Chậu úp: nói nơi tối tīm, ánh sáng không lọt tới, trong ngoài không thông nhau, ví nỗi oan không cách giải tỏ.
- 316 Ghe phen: nhiều phen.
- 317 Tướng ngỏ tôi hiền: khanh tướng và kẻ bề tôi hiền.
- 318 Chín trùng: vua.
- 319 Đổng công: tức Đổng Trác.
- 320 ý nói thản nhiên như không.
- 321 Bài vị: miếng gỗ hay mảnh giấy cứng, mặt có ghi tên người chết để thờ.
- 322 Các thứ lớp từ trước đến nay.
- 323 Chỉ Vân Tiên.
- 324 Tuần dư: hơn mười ngày.
- 325 Phòng: hóng chờ.
- 326 Biêu: nêu lên cho mọi người biết.
- 327 ý câu: Vân tiên bị xem là kẻ oán thù với nhà Thể Loan, thì Vân Tiên đã bị nhà Thể Loan hãm hại, tức Vân Tiên trả xong nợ rồi.
- 328 Ca ca: anh. Chịu đi: ưng thuận đi.
- 329 Sáu lễ: sáu lễ trong việc cưới hỏi thời xưa.
- 330 Gót lân: chỉ con cháu có tài có đức.